



Mục lục

SỰ KIỆN

3 NGUYỄN PHÚ TRỌNG:

Một số vấn đề cần được đặc biệt quan tâm trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

17 PHÙNG HỮU PHÚ - NGÔ VĂN THẠO:

Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng cách mạng và sự vận dụng của Đảng trong tình hình hiện nay

34 TẠ NGỌC TẤN:

Học tập phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh

51 NGUYỄN VIẾT THÔNG:

Những bài học trong tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ cần vận dụng, thực hiện tốt trong công tác cán bộ hiện nay

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

61 VŨ VĂN HIỀN:

Đại dịch Covid-19 và bản lĩnh Việt Nam

65 NGUYỄN VĂN HUYÊN:

Đảng cầm quyền và đảng lãnh đạo; quan hệ giữa phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam



SỰ KIỆN

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC ĐẶC BIỆT QUAN TÂM TRONG CÔNG TÁC CHUẨN BỊ NHÂN SỰ ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

● NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Trưởng Tiểu ban Nhân sự Đại hội XIII của Đảng

1. Vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội

Như chúng ta đã biết, trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, ở bất kỳ lĩnh vực, địa phương nào, cán bộ bao giờ cũng đóng vai trò quyết định; công tác cán bộ không chỉ là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng mà còn là mắt xích trọng yếu trong toàn bộ hoạt động của Đảng, nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Không phải ngẫu nhiên mà Bác Hồ bắt đầu chuẩn bị thành lập Đảng bằng việc đào tạo và huấn luyện cán bộ. Bác

khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Muốn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”; “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định công tác cán bộ chịu sự quy định của đường lối chính trị, phục vụ nhiệm vụ chính trị; cho nên đồng thời với chuẩn bị đường lối chính trị phải tích cực chuẩn bị và tiến hành đường lối tổ chức và chiến lược cán bộ. Hiện nay, cùng với việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, Đảng

ta đang chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, dự kiến tổ chức vào quý I/2021. Tại Hội nghị lần thứ tám (tháng 10/2018), Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định thành lập 5 tiểu ban chuẩn bị Đại hội XIII của Đảng (Tiểu ban Văn kiện, Tiểu ban Kinh tế - Xã hội, Tiểu ban Điều lệ Đảng, Tiểu ban Nhân sự và Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội). Ngày 30/5/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 35 về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Hai nội dung quan trọng nhất của mỗi kỳ Đại hội Đảng là việc thảo luận, quyết định đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng (gọi tắt là thông qua các văn kiện) và bầu ra các cơ quan lãnh đạo của Đảng (gọi tắt là công tác nhân sự). Hai nội dung này liên quan chặt chẽ với nhau, đều phải chuẩn bị thật tốt, đặc biệt việc chuẩn bị nhân sự Đại hội có vị trí, ý nghĩa cực kỳ quan trọng, là nhân tố bảo đảm cho thành công của Đại hội và triển khai thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đại hội.

Nói đến chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng là nói đến chuẩn bị

nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhân sự lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ Đại hội Đảng, là bộ tham mưu chiến đấu, hạt nhân lãnh đạo chính trị và là trung tâm đoàn kết, thống nhất cao của toàn Đảng, toàn dân tộc. Đây là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, là tinh hoa của Đảng, đòi hỏi phải thật sự vững vàng, có đủ bản lĩnh, phẩm chất, trí tuệ và có uy tín cao để giải quyết những công việc ở tầm chiến lược, xử lý kịp thời, đúng đắn, có hiệu quả những tình huống phức tạp có quan hệ đến sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước, sự sống còn của chế độ. Thực tế cho thấy, trong bất cứ hoàn cảnh nào, nhất là vào những thời điểm quyết định hoặc có tính bước ngoặt lịch sử, vận nước đặt tất cả vào đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. (Lênin đã từng nói: “Hãy cho tôi một tổ chức những người cách mạng, tôi sẽ làm đảo lộn cả nước Nga”). Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và một số nước Đông Âu sụp đổ là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân rất

quan trọng là lựa chọn, bố trí sai một số cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược, nhất là cấp cao nhất. Cần phải khẳng định và thấm nhuần sâu sắc vị trí, ý nghĩa của công việc cực kỳ quan trọng này không chỉ đơn thuần đối với việc tổ chức một Đại hội Đảng mà đây là công việc có ý nghĩa chiến lược gắn liền với vận mệnh của Đảng, sự tồn vong của chế độ và sự phát triển của đất nước.

Sau gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới và sau hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về chiến lược cán bộ, đội ngũ cán bộ các cấp ở nước ta đã có bước trưởng thành, phát triển nhiều mặt, chất lượng ngày càng được nâng cao, từng bước đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; cơ cấu, độ tuổi, giới tính, dân tộc, ngành nghề, lĩnh vực công tác có sự cân đối, hợp lý hơn; nguồn quy hoạch cán bộ ngày càng đáp ứng yêu cầu, cơ bản bảo đảm sự chuyển tiếp và kế tục giữa các thế hệ.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ nước ta có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối

sống giản dị, gương mẫu, có ý thức tổ chức kỷ luật, luôn tu dưỡng, rèn luyện; trình độ, năng lực được nâng lên, phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhiều cán bộ năng động, sáng tạo, thích ứng với xu thế hội nhập, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Đa số cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp có năng lực, phẩm chất, uy tín. Cán bộ cấp chiến lược có bản lĩnh chính trị, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có tư duy đổi mới, có khả năng hoạch định đường lối, chính sách và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Hầu hết cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang được rèn luyện, thử thách qua thực tiễn, trung thành với Đảng, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì Tổ quốc, vì nhân dân. Nhiều cán bộ khoa học tâm huyết, say mê nghiên cứu, có đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và mở

cửa hội nhập, tổ chức sản xuất, kinh doanh ngày càng có hiệu quả.

Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, đội ngũ cán bộ của ta hiện nay đông nhưng chưa thật mạnh; tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ vẫn xảy ra ở nhiều nơi; sự liên thông giữa các cấp, các ngành còn hạn chế. Tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số chưa đạt chỉ tiêu mong muốn. Thiếu những cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành trên nhiều lĩnh vực. Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa toàn diện, có mặt còn hạn chế, yếu kém; không ít cán bộ, trong đó có cả cán bộ cấp cao thiếu tính chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sở trường; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn nhiều hạn chế. Không ít cán bộ trẻ thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện. Một bộ phận cán bộ phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ, thậm chí có người suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cả cán bộ

cấp cao, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, phẩm chất, năng lực chưa ngang tầm nhiệm vụ, vi phạm nguyên tắc và quy chế làm việc, nói nhiều làm ít, nói không đi đôi với làm, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm. Không ít cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu tính Đảng, lợi dụng sơ hở trong cơ chế, chính sách, luật pháp, cố ý làm trái, trục lợi, làm thất thoát lớn vốn, tài sản của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng, bị xử lý kỷ luật đảng và xử lý theo pháp luật. Chỉ tính từ đầu nhiệm kỳ khóa XII đến nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã phải thi hành kỷ luật gần 100 cán bộ cao cấp thuộc diện Trung ương quản lý; một số cán bộ đã bị xử lý hình sự. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy quy hoạch, chạy luân chuyển, chạy phiếu bầu, chạy bằng cấp, chạy khen thưởng, chạy danh hiệu, chạy tội..., trong đó có cả cán bộ cấp cao, tuy đã được ngăn chặn nhưng vẫn chưa hoàn toàn bị đẩy lùi. Làm việc gì, giữ chức

vụ gì cũng chỉ tính đến lợi quyền, bổng lộc cho cá nhân mình, gia đình mình trước nhất, quên cả thanh liêm, danh dự. Cần khẳng định rằng, sự trưởng thành, lớn mạnh và phát triển của đội ngũ cán bộ trong mấy chục năm qua là nhân tố hàng đầu quyết định làm nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay. Song, những khuyết điểm, yếu kém của một bộ phận cán bộ và những hạn chế, bất cập trong công tác cán bộ cũng là một nguyên nhân quan trọng làm cho đất nước phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và mong muốn của chúng ta, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tình hình đội ngũ cán bộ hiện nay, nhất là cán bộ cấp chiến lược, như đã nói ở trên, có ảnh hưởng nhất định đến việc chuẩn bị nhân sự cho Đại hội XIII của Đảng.

2. Yêu cầu đặt ra cho công tác nhân sự của Đại hội XIII

Đại hội XIII của Đảng là một sự kiện chính trị rất quan trọng. Đại hội

được tiến hành vào thời điểm đất nước ta trải qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh 1991), trong đó có 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển 2011) và 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, hướng tới kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập Đảng vào năm 2030 và kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập nước vào năm 2045. Đại hội XIII sẽ là một dấu mốc rất quan trọng, có ý nghĩa định hướng tương lai, cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội Đảng ta diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn; tuy nhiên các mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng gay gắt.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức, kinh tế số và xu hướng quốc tế hoá nguồn nhân lực vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với nước ta. Ở trong nước, công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu, sức mạnh tổng hợp và uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao, tạo tiền đề để đất nước phát triển nhanh, bền vững. Tuy nhiên, sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức; bốn nguy cơ (tụt hậu xa hơn về kinh tế; chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nạn tham nhũng và tệ quan liêu; “diễn biến hòa bình”) mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn còn hiện hữu, có mặt gay gắt hơn; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn những nhân tố dễ gây mất ổn định. Sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động ngày càng tinh vi, nguy hiểm, phức tạp trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập, sự bùng nổ của hệ thống thông tin truyền thông toàn cầu, chiến tranh mạng,... Đây cũng là thời điểm chuyển giao thế hệ từ lớp cán

bộ sinh ra, lớn lên, được rèn luyện, trưởng thành trong những năm tháng kháng chiến, chủ yếu được đào tạo ở trong nước và tại các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, sang lớp cán bộ sinh ra, lớn lên, trưởng thành trong hòa bình và được đào tạo từ nhiều nguồn, nhiều nước có thể chế chính trị khác nhau.

Tình hình tư tưởng trong Đảng và tâm trạng trong nhân dân, bên cạnh mặt tích cực là cơ bản, cũng có những biểu hiện đáng lo ngại. Nhất là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức mới chỉ bước đầu được ngăn chặn, đẩy lùi. Tình hình trên cho thấy nhiệm vụ của toàn Đảng sắp tới là rất nặng nề. Để giải quyết những vấn đề trọng đại của đất nước trong thời gian tới, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương phải chuẩn bị thật tốt để trình Đại hội thảo luận và quyết định nhân sự Trung ương khóa XIII, bảo đảm thành công của Đại hội và thắng lợi trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội. Đây là công việc vô cùng quan trọng. Đây

cũng là vấn đề nhận được sự quan tâm sâu sắc, chính đáng của toàn Đảng, toàn dân. Gần như đi đến đâu, ở chỗ nào, cũng thấy cán bộ, đảng viên và nhân dân tỏ ra quan tâm theo dõi và có phần băn khoăn, lo lắng, đặt câu hỏi: Đảng ta sắp tới dự định lựa chọn, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo (Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là cán bộ chủ chốt) thế nào để đủ sức gánh vác nhiệm vụ cách mạng to lớn mà lịch sử giao phó? Các phần tử xấu, cơ hội, thù địch cũng nhân dịp này tìm mọi cách xuyên tạc, tung tin, tác động, chia rẽ nội bộ ta hòng phá hoại công tác nhân sự nói riêng, công tác xây dựng Đảng nói chung của chúng ta, rất thâm độc và nguy hiểm. Rõ ràng, công tác nhân sự Đại hội là vô cùng quan trọng nhưng cũng hết sức phức tạp, khó khăn, nặng nề, đòi hỏi Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cả hệ thống chính trị phải làm việc với tinh thần trách nhiệm rất cao, với quyết tâm, nỗ lực rất lớn, có cách làm thật sự công tâm, khách quan, khoa học, đặt lợi ích của quốc gia - dân tộc, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết.

3. Nội dung, phương pháp, cách thức tiến hành

Để chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải xác định đúng yêu cầu xây dựng Ban Chấp hành Trung ương mà hạt nhân là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng. Phải chăng việc xây dựng Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII phải là một tập thể thật sự đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, thống nhất cao ý chí và hành động, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có tầm nhìn chiến lược; có trí tuệ, tư duy đổi mới, sáng tạo; tiêu biểu cho toàn Đảng về tính chiến đấu, tính kỷ luật; gắn bó mật thiết với nhân dân, quy tụ được sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân; đủ uy tín, năng lực lãnh đạo đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

- Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII cần có số lượng và cơ cấu hợp lý

để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tăng cường số lượng Ủy viên Trung ương Đảng ở các vị trí, địa bàn, lĩnh vực công tác trọng yếu. Bảo đảm tính kế thừa, ổn định, đổi mới và phát triển liên tục.

- Việc giới thiệu nhân sự, nói chung phải trên cơ sở quy hoạch; giữ vững nguyên tắc, quy chế, quy định, phát huy trách nhiệm, dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan trong đánh giá, giới thiệu, lựa chọn nhân sự tham gia Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước nhiệm kỳ tới. Lấy phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ các mặt, uy tín và hiệu quả công tác làm căn cứ và tiêu chí cơ bản để đánh giá, lựa chọn, bố trí cán bộ phù hợp với công việc. Chống các biểu hiện cơ hội, tham vọng quyền lực, vận động cá nhân, cục bộ, phe cánh, lợi ích nhóm...; cảnh giác với những âm mưu, thủ đoạn phá hoại, gây rối nội bộ của các thế lực thù địch.

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII phải thật sự là những đồng chí tiêu biểu của Đảng về bản

lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực công tác; bảo đảm tiêu chuẩn chung của cán bộ, đặc biệt chú trọng các vấn đề sau:

+ Có tinh thần yêu nước sâu sắc, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước và lợi ích của quốc gia - dân tộc. Có ý chí chiến đấu cao, gương mẫu thực hiện nguyên tắc, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; nói đi đôi với làm, gắn bó mật thiết với nhân dân, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, quyết liệt trong hành động.

+ Có phẩm chất đạo đức và lối sống trong sáng, gương mẫu, được cán bộ, đảng viên và nhân dân tín nhiệm. Có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết, tận tụy với công việc; bản thân không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi, tham vọng quyền lực và kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, quan liêu, tham nhũng; không đố kỵ, chống,

con, người thân lợi dụng chức quyền để trục lợi. Có ý thức giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, gương mẫu chấp hành sự phân công và nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; công minh, công bằng trong đánh giá, sử dụng cán bộ.

+ Có trí tuệ, tầm nhìn, tư duy chiến lược và kiến thức tương đối toàn diện để tham gia hoạch định đường lối, chính sách và sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương. Có năng lực cụ thể hoá và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách, nhiệm vụ của Đảng, chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn mới tại lĩnh vực, địa bàn công tác được phân công; qua thực tiễn tỏ rõ là người có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân, có năng lực sáng tạo, nhiệt huyết, làm việc có hiệu quả, có “sản phẩm” cụ thể, rõ rệt; dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đoàn kết, quy tụ, phát huy được đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực, địa bàn được phân

công. Có ý thức, trách nhiệm và khả năng tham gia thảo luận, đóng góp vào các quyết định chung của Ban Chấp hành Trung ương; đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ. Nói tóm lại là phải vừa có Đức vừa có Tài, trong đó Đức là gốc (“chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài”).

Kiên quyết không bỏ sót những người thật sự có đức, có tài, đủ tiêu chuẩn; đồng thời không để lọt vào Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII những người có một trong các khuyết điểm sau: (1) Bản lĩnh chính trị không vững vàng; không kiên định đường lối, quan điểm của Đảng; có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, xu nịnh, chạy chọt, tham nhũng, quan liêu, cục bộ, vận động cho cá nhân, phe cánh, lợi ích nhóm; thiếu chính kiến, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; (2) Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, mị dân, chuyên quyền, độc đoán; không công bằng, công minh trong đánh giá, sử dụng cán bộ, trù dập người thẳng thắn đấu tranh, phê bình; (3) Để nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc để xảy ra tham nhũng, thất thoát, vụ việc

tiêu cực lớn ở địa phương, cơ quan, đơn vị; (4) Không chịu nghiên cứu học hỏi; bảo thủ, trì trệ, làm việc kém hiệu quả, nói nhiều làm ít, nói không đi đôi với làm; ý thức kỷ luật kém, không chấp hành sự điều động, phân công của tổ chức, uy tín giảm sút; (5) Kê khai tài sản không trung thực, có biểu hiện giàu nhanh, nhiều nhà, nhiều đất, nhiều tài sản khác mà không giải trình rõ được nguồn gốc; bản thân hoặc vợ, chồng, con có lối sống thiếu gương mẫu, lợi dụng chức quyền để thu lợi bất chính; (6) Vi phạm quy định về lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay.

Cùng với việc xác định rõ và nắm vững yêu cầu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, phải tính toán, quy định rõ cơ cấu, số lượng Ban Chấp hành Trung ương, giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng. Đây cũng là vấn đề luôn được quan tâm trong quá trình chuẩn bị nhân sự ở mỗi kỳ Đại hội. Quan điểm chung và nhất quán ở các kỳ Đại hội là: Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, Ban Chấp hành Trung ương cần có cơ cấu hợp lý để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tính

kế thừa và phát triển; nhưng không nhất thiết lĩnh vực nào, ngành nào cũng phải có người tham gia Ban Chấp hành Trung ương nếu không đủ tiêu chuẩn; không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn. Giới thiệu để bầu làm Ủy viên Trung ương chính thức đối với các đồng chí có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để phân công phụ trách các lĩnh vực công tác Đảng, công tác chính quyền, công tác Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan trọng yếu của Nhà nước ở trung ương, địa phương và lực lượng vũ trang. Các ban đảng ở Trung ương và một số bộ, ngành, địa phương thuộc vị trí, địa bàn, lĩnh vực quan trọng cần tăng cường số lượng Ủy viên Trung ương Đảng.

Trong cơ cấu của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII cần chú ý bảo đảm tỉ lệ hợp lý đối với cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số; một số nhà khoa học, văn nghệ sĩ, lãnh đạo một số tập đoàn, tổng công ty lớn của Nhà nước đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham gia Ban Chấp hành Trung ương. Rút kinh nghiệm từ các khóa trước, việc xác định số lượng Ủy viên Ban Chấp

hành Trung ương khóa XIII cần căn cứ chủ yếu vào yêu cầu, nhiệm vụ và đòi hỏi của tình hình, căn cứ vào yêu cầu lãnh đạo toàn diện đối với các địa bàn, lĩnh vực công tác, đặc biệt là phải bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, không thuận túy chạy theo số lượng.

4. Trách nhiệm của chúng ta

Tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XII (tháng 10/2018), Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định thành lập Tiểu ban Nhân sự Đại hội XIII. Ban Bí thư Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Tổ Giúp việc của Tiểu ban Nhân sự. Tiểu ban Nhân sự đã ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc, chế độ và lễ lối làm việc của Tiểu ban Nhân sự và Tổ Giúp việc. Tuy nhiên, để làm tốt công việc hệ trọng này, về tư tưởng, phương châm chỉ đạo, phương pháp và cách làm, cần phải chú trọng một số vấn đề sau đây:

- Công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng không chỉ là nhiệm vụ của Tiểu ban Nhân sự, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Ban Chấp hành Trung ương mà là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị, của các cấp ủy, tổ chức đảng, các

cơ quan, đơn vị và các địa phương. Phải làm tốt công tác nhân sự từ đại hội đảng bộ các cấp để góp phần chuẩn bị tốt nhân sự cho Đại hội XIII của Đảng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu và ở những nơi có cán bộ tham gia quy hoạch cán bộ cấp chiến lược được giới thiệu tham gia Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII phải chịu trách nhiệm trước Tiểu ban Nhân sự, trước Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương về nhân sự do mình đề xuất, giới thiệu.

- Các cơ quan, tổ chức có liên quan, mà trước hết là Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, phải dày công chuẩn bị, phải xác định đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là nhiệm vụ “then chốt” của “then chốt”, có liên quan đến sự sống còn của Đảng, vận mệnh của chế độ, sự phát triển, vững mạnh của đất nước. Từng cơ quan, địa phương, từng cán bộ trực tiếp tham gia vào công tác chuẩn bị phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc trách nhiệm của mình, toàn tâm, toàn ý lo cho công việc chung, phải đặt lợi ích của Đảng, của đất nước, của nhân dân lên trên hết, trước hết.

Phải tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm, chỉ ra những ưu điểm, kết quả cũng như những khuyết điểm, hạn chế của các khoá trước, nhất là của khoá XII gần đây, để có thêm cơ sở đề ra phương hướng, yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ của khoá XIII này.

- Công tác cán bộ nói chung và công tác nhân sự đại hội nói riêng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng như trên đã nói nhưng cũng cực kỳ phức tạp, khó khăn, vì nó liên quan đến con người, là “công tác con người”. Mà đã là con người thì như nhà văn Nga Mắc-xim Goóc-ky đã nói: “Con người, hai tiếng ấy vang lên kiêu hãnh làm sao!”. Nhưng con người cũng có đủ thứ chứng tật không lành mạnh, nói ra rất tế nhị, nhạy cảm (nhận xét, đánh giá nhau thế nào? nhất là nói về nhược điểm, khuyết điểm của nhau; bố trí, sắp xếp vào đâu? liên quan đến danh dự, chế độ, chính sách hưởng thụ, chức vụ cao, thấp, lợi ích, bổng lộc... so sánh với người khác thế nào?... (“Thua trời một vạn không bằng thua bạn một ly”, “Miếng ăn là miếng tồi tàn, mất ăn một miếng thì lộn gan lên đầu”!) vô cùng phức tạp,

nhạy cảm, rất dễ phát sinh vấn đề, tâm tư day dứt), gây mất đoàn kết. Vì vậy, công tác nhân sự Đại hội phải được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, khoa học và nhất quán, bảo đảm thật sự công tâm, thật sự trong sáng, khách quan, đặc biệt phải “có con mắt tinh đời” trong việc đánh giá, giới thiệu, lựa chọn; lấy tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và hiệu quả công tác, uy tín của bản thân và gia đình làm thước đo chủ yếu (“Khen cho con mắt tinh đời, anh hùng đoán giữa trần ai mới già!”). Phải trên cơ sở xác định rõ tiêu chuẩn, tiêu chí để đánh giá đúng cán bộ, lựa chọn đúng người, sắp xếp đúng việc, bố trí đúng chỗ, tạo ra một ê-kíp, một tập thể thật sự “ăn ý”, đoàn kết, thống nhất, có sức mạnh. Muốn thế, phải thật sự phát huy dân chủ trong việc phát hiện, giới thiệu nhân sự đi đôi với xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan và thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng và người đứng đầu. Chống tư tưởng cục bộ, địa phương, thân quen, “cánh hẩu”, “lợi ích nhóm”; tránh cách làm

giản đơn, tùy tiện, vô nguyên tắc. Phải bằng mọi biện pháp dứt khoát không đưa vào cơ quan lãnh đạo những người không xứng đáng, không đủ tiêu chuẩn, nhất là những người đã phạm sai lầm hoặc sa sút về phẩm chất, đạo đức, vướng vào tham nhũng, chạy chức, chạy quyền, hống hách, gia trưởng, nịnh trên, nạt dưới, bao che cho tội phạm, gây mất đoàn kết, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng. Để những người đó lọt được vào cương vị lãnh đạo là tai họa cho Đảng, là tạo điều kiện cho họ càng hại nước, hại dân nhiều hơn. Phải kiểm tra, giám sát, đôn đốc thường xuyên. Cách làm là phải thận trọng, làm dứt điểm từng khâu, từng công đoạn, theo một quy trình chặt chẽ; làm đến đâu chắc đến đó, làm nhân sự Ban Chấp hành Trung ương trước, sau đó mới đến nhân sự Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cuối cùng mới đến nhân sự lãnh đạo chủ chốt. Nếu có những công đoạn cần làm đồng thời thì cũng phải xem xét một cách chặt chẽ, chắc chắn, bảo đảm sự đồng bộ, khoa học. Phải chuẩn bị rất kỹ, rất chu đáo, cẩn thận, tránh tối đa những sai sót.

- Các đồng chí thành viên Tiểu ban Nhân sự và Tổ Giúp việc của Tiểu ban, hơn ai hết, phải nắm chắc, nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc, chế độ, quy chế và lễ lối làm việc. Trong quá trình tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự, tổng hợp kết quả giới thiệu nhân sự và thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, các đồng chí thành viên của Tiểu ban và Tổ Giúp việc phải là những cán bộ thật sự tin cậy, tuyệt đối trung thành, trung thực, trong sáng, công tâm, khách quan, đặc biệt là phải rất tỉnh táo, tinh tường, (“đừng nhìn gà hoá cuốc”, “đừng thấy đỏ tưởng là chín”, đừng chỉ thấy “cái mã bên ngoài, nó che đậy cái sơ sài bên trong”)...; tuyệt đối giữ nguyên tắc, quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, cá nhân có liên quan; chống các biểu hiện tiêu cực chính ngay trong các cán bộ có trách nhiệm, các đại biểu Đại hội và các thành viên của Tiểu ban và Tổ Giúp việc. Đặc biệt, phải có quy chế, quy định chặt chẽ, đồng bộ, bảo đảm thực hiện đúng nguyên

tắc tập trung dân chủ, khách quan, công tâm dưới sự lãnh đạo của Đảng (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đoàn Chủ tịch Đại hội).

- Cũng cần phải nói thêm rằng, trong quá trình lựa chọn, bố trí, sắp xếp nhân sự cụ thể, cần thống nhất quan điểm là không quá cầu toàn, không quá tuyệt đối hoá. Các cụ ta đã có câu: “Nhân vô thập toàn”, con người ta ai cũng có điểm mạnh, điểm yếu (“Ngọc còn có vết nữa mình với ta”). Điều quan trọng là phải biết phân biệt, đánh giá chính xác bản chất, mức độ các điểm mạnh, điểm yếu đó để không chọn nhầm người và phải có cách bố trí, sắp xếp nhân sự sao cho phù hợp để phát huy mặt mạnh, hạn chế mặt yếu của mỗi thành viên, bổ sung cho nhau, tạo ra một ê-kíp mạnh, một tập thể lãnh đạo tương đối hoàn chỉnh, không gây tổn thương cho lợi ích của Đảng, của quốc gia, của tập thể. Nguyên tắc của chúng ta là “tập thể lãnh đạo”, “lãnh đạo tập thể”, “lãnh tụ tập thể”. Chúng ta phải chăm lo xây dựng, vun xới, bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau để mỗi người tự

hoàn thiện mình, phát huy mặt tốt, khắc phục mặt yếu; để khi mỗi cá nhân đứng trong cùng một tập thể thì tập thể đó trở nên hoàn thiện hơn, toàn diện, vững mạnh hơn; và mỗi cá nhân cũng trở nên tốt hơn, phát huy được nhiều hơn phẩm chất và năng lực của mình. Tránh tình trạng “cua cậy càng, cá cậy vây”, tự cao tự đại, coi thường người khác, không phối hợp, hợp tác tốt. Mục đích của chúng ta, trách nhiệm của chúng ta là phải xây dựng được một Ban Chấp hành Trung ương mạnh, một Bộ Chính trị mạnh, một Ban Bí thư mạnh, thật sự đoàn kết, thống nhất cao xung quanh người đứng đầu để đủ sức gánh vác trọng trách vinh quang nhưng rất nặng nề của mình là lãnh đạo hoàn thành sứ mạng lịch sử, nhiệm vụ chính trị của mình, tổ chức toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ra sức phấn đấu, vượt mọi khó khăn, gian khổ, xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh; đất nước ta ngày càng phát triển; nhân dân ta ngày càng ấm no, hạnh phúc, xứng đáng với niềm tin yêu và sự mong đợi của toàn Đảng, toàn dân ■



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

● GS, TS PHÙNG HỮU PHÚ

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

● PGS, TS NGÔ VĂN THẠO

Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng và sự thành công của cách mạng chủ yếu phụ thuộc vào việc tập hợp được quần chúng, xây dựng được lực lượng cách mạng trong quần chúng. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng cách mạng là cơ sở lý luận và bài học thực tiễn quý báu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho Đảng và nhân dân ta.

I. Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng cách mạng

1. Phát huy đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng lực lượng toàn dân

Thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là sự quy tụ được mọi sức mạnh của dân tộc theo phương châm “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công” để giành lại và bảo vệ nền độc lập dân tộc, xây dựng xã hội mới. Điều đó bắt nguồn từ sự phân tích rõ thực trạng xã hội Việt Nam, giải quyết chính xác mối *quan hệ giữa giai cấp và dân tộc* trong cách mạng Việt Nam.

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định giai cấp vô sản trước hết phải trở thành dân tộc, và đấu tranh để giải phóng giai cấp vô sản là tiền đề để giải phóng toàn nhân loại. Xuất phát từ đặc điểm của xã hội Việt Nam, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo luận điểm này của chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định: ở Việt Nam giải phóng dân tộc là tiền đề để giải phóng các giai cấp bị áp bức, bóc lột trong xã hội, trong đó có giai cấp công nhân.

Nhận định nêu trên là cơ sở của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng cách mạng trong tất cả các giai cấp, tầng lớp xã hội. Xuất phát từ đặc điểm của xã hội Việt Nam, nơi thực dân Pháp tổ chức hệ thống cai trị trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và tất cả các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đều bị đặt dưới sự cai trị của thực dân Pháp. Ngoài giai cấp công nhân và nông dân, các giai cấp, tầng lớp, như tư sản dân tộc, tiểu tư sản, trí thức, địa chủ vừa và nhỏ, thậm chí cả các chức sắc tôn giáo Việt Nam..., đều là những người dân chịu nỗi nhục mất nước, chịu sự cai trị của thực dân Pháp. Vì vậy, ở

Việt Nam, lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp là thống nhất; tất cả các giai tầng xã hội đều có khả năng tham gia phong trào giải phóng dân tộc. Xuất phát từ thực tế đó, trong Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu: “Đảng... phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng... Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt; v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp...”¹

Để thực hiện luận điểm này, Hồ Chí Minh đã tiến hành đồng thời hai hoạt động chính. *Một mặt*, tìm mọi khả năng để quy tụ nhân dân thuộc mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội có lòng yêu nước, thương nòi vào một mặt trận rộng lớn; phê phán quan điểm giai cấp cực đoan, biệt phái, có hại cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. *Mặt khác*, từng bước giải quyết mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ xã hội Việt Nam, chủ yếu là giữa nông dân với địa chủ, bằng những biện pháp thích hợp, như hiến điền, giảm tô, giảm tức, tạm cấp ruộng đất

v.v., để tăng cường sức dân và không phá vỡ mặt trận đoàn kết toàn dân tộc. Trong cách mạng giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Đảng ta đã quy tụ được lực lượng rộng rãi toàn dân tộc, tạo nên sức mạnh vô địch giành thắng lợi trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ nền độc lập dân tộc và làm thất bại mọi âm mưu, chính sách chia rẽ dân tộc của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước.

2. Xây dựng lực lượng chủ lực của cách mạng

Xây dựng khối liên minh công - nông - trí thức, lực lượng chủ lực của cách mạng là sự phát triển sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lực lượng cách mạng ở Việt Nam. C.Mác và Ph.Ăngghen từ lý luận và thực tiễn của phong trào công nhân châu Âu giữa thế kỷ XIX, trực tiếp nhất là cách mạng tư sản Đức 1848 và Công xã Pari năm 1871 đã khẳng định: cuộc cách mạng vô sản hay phong trào công nhân không thể giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ tư bản nếu không có khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, trong đó giai cấp công

nhân giữ vai trò lãnh đạo. Với mức độ khái quát cao, hai ông nhấn mạnh mâu thuẫn giữa lao động và bóc lột, nên chưa tính đến các giai tầng khác trong xã hội tham gia vào lực lượng cách mạng. Trong cách mạng Tháng Mười Nga, phát triển lý luận của C.Mác, Ph.Ăngghen về tổ chức liên minh công - nông và trong điều kiện nước Nga lúc đó đang tham gia chiến tranh thế giới lần thứ nhất, V.I.Lênin đã nói đến liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân với binh lính, nhưng cũng chưa đề cập đến liên minh với tiểu tư sản và đội ngũ trí thức.

Xuất phát từ thực tiễn của xã hội Việt Nam, yêu cầu và khả năng tập hợp lực lượng cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương trong mọi giai đoạn cách mạng “công, nông, trí cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối”. Theo Người, “Tính chất cách mạng của ta là cách mạng dân chủ mới, cho nên động lực cách mạng gồm có những giai cấp: công nhân, nông dân, tiểu tư sản”. Người nhấn mạnh: “Tuyên ngôn của Đảng nói: “Đảng Lao động Việt Nam sẽ gồm những công nhân, nông dân và

lao động trí óc yêu nước nhất, hăng hái nhất, cách mạng nhất”. Và “lao động trí óc cần được khuyến khích, giúp đỡ, phát triển tài năng”².

Tư tưởng Hồ Chí Minh coi trí thức là “*vốn liếng quý báu của dân tộc*” là sự tiếp nối truyền thống của dân tộc Việt Nam, “*hiền tài là nguyên khí quốc gia*”, coi trọng sức mạnh vô tận của trí tuệ con người và sức mạnh lớn lao của một dân tộc giàu trí thức. Người nhận thấy, ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, trí thức là tầng lớp có số lượng rất khiêm tốn trong xã hội, nhưng luôn đi đầu, là ngòi nổ trong các phong trào đấu tranh chống Pháp, bảo vệ độc lập, hoặc đòi lại quyền dân tộc, dân chủ. Trí thức cũng là những người đi tiên phong trong việc tiếp thu những thành tựu của văn minh nhân loại, đón nhận những luồng tư tưởng mới, tiến bộ từ bên ngoài, thực hiện tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh đã chỉ ra những đặc điểm của trí thức Việt Nam, dù đa số xuất thân từ các thành phần phú nông, địa chủ, phong kiến, tư sản, nhưng đều bị đế quốc áp bức. “Tất cả những

người trí thức nào có đôi chút tiếng tăm đều bị đưa đi đày. Tất cả các trường tư thục đều bị đóng cửa và tất cả các sách báo nước ngoài đều bị cấm”. Người chỉ ra hai yếu tố tích cực của trí thức Việt Nam: “Có đầu óc dân tộc và đầu óc cách mạng” và nhận xét: “trí thức có học thức, dễ có cảm giác chính trị. Họ không trực tiếp bóc lột lao động. Vì vậy, họ dễ tiếp thụ sự giáo dục cách mạng và cùng đi với công nông”.

Tư tưởng coi trọng trí thức và mối quan hệ công - nông - trí thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh tạo nên lực lượng chủ lực của cách mạng là quan điểm nhất quán và được thực hiện xuyên suốt trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Từ Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, Người đã viết: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp”; “Đảng lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản”. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Người khẳng định: “Trí thức phục vụ nhân dân bây giờ cũng cần,

kháng chiến kiến quốc cũng cần, tiến lên xã hội chủ nghĩa càng cần, tiến lên cộng sản chủ nghĩa lại càng cần”³. Người nhấn mạnh: “Chính là những đảng cách mạng lại càng trọng trí thức: vì muốn phát triển văn hóa thì phải cần thầy giáo, muốn phát triển sức khỏe của nhân dân thì phải cần thầy thuốc, muốn phát triển kỹ nghệ phải cần các kỹ sư, v.v.. Tóm lại cách mạng rất cần trí thức và chính ra chỉ có cách mạng mới biết trọng trí thức”. Gắn kết giữa công, nông với trí thức, Người yêu cầu: Đảng phải thực hiện “công nông trí thức hóa; trí thức công nông hóa” và giải thích: Nghĩa là công nông cần học tập văn hóa để nâng cao trình độ trí thức của mình, trí thức cần gắn gụi công nông và học tập tinh thần, nghị lực, sáng kiến và kinh nghiệm của công nông. Theo Người, “đó là nhiệm vụ chung và cần kíp, mà chúng ta phải cùng nhau cố gắng làm cho kỳ được”.

3. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng làm chỗ dựa cho phong trào quần chúng, làm nòng cốt cho khởi

nghĩa vũ trang của quần chúng giành chính quyền cũng như trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc sau khi giành được độc lập là một quan điểm cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng lực lượng cách mạng.

Sự cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam được tiến hành bằng bạo lực, với sự đàn áp khốc liệt những người yêu nước Việt Nam đứng lên chống Pháp. Vậy nên, để chống lại bạo lực của chính quyền thực dân Pháp, giành lại nền độc lập, cần đến một cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân. Từ năm 1924, Người đã cho rằng: “Để có cơ thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương: - Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn...”. Từ quan niệm “cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng làm chỗ dựa cho phong trào quần chúng. Đó là xây dựng các đội “xích vệ” bảo vệ cách mạng trong các cao trào cách mạng 1930-1931, 1936-1939, tiến tới thành lập các đội du kích vũ trang.

Sau Hội nghị Trung ương 8 và thành lập Mặt trận Việt Minh, tháng 12/1941 tại Cao Bằng từ các đội tự vệ cứu quốc, tự vệ chiến đấu (tổ du kích) được thành lập làm cơ sở cho đấu tranh ở địa phương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thành lập Đội vũ trang Cao Bằng, tự tay soạn thảo “Mười điều kỷ luật” và những nguyên tắc cơ bản xây dựng quân đội. Khi phong trào cách mạng phát triển, tháng 12/1944, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Chỉ thị thành lập “Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân”. Đó là sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu bước khởi đầu công cuộc xây dựng và phát triển quân đội cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Lực lượng vũ trang được xây dựng theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đội quân công tác, đội quân chiến đấu, nhấn mạnh nhiệm vụ tuyên truyền vận động quần chúng. Ngay việc lấy tên là “Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định rõ đây là đội quân công tác, kết hợp nhiệm vụ tuyên truyền, tổ chức quần chúng với đấu tranh quân sự, kết hợp làm

chỗ dựa cho quần chúng đấu tranh chính trị với tác chiến. Trong xây dựng lực lượng vũ trang, Người nhấn mạnh quan hệ máu thịt giữa bộ đội với nhân dân, như “cá với nước”, “bộ đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu”. Sức mạnh của quân đội, theo Người trước hết là phẩm chất của người chiến sỹ, từ nhân tố con người, từ giác ngộ chính trị của người chiến sỹ, nên yêu cầu “người trước, súng sau” trong xây dựng lực lượng vũ trang.

Với quan điểm xây dựng lực lượng vũ trang nêu trên, ngay sau khi thành lập, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở cách mạng, góp phần củng cố và mở rộng khu căn cứ Cao-Bắc-Lạng, cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng quần chúng trong cả nước, góp phần vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945. Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1950), trong hoàn cảnh hoàn toàn tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình để chống lại đội quân xâm lược Pháp, quan điểm xây dựng lực lượng vũ

trang của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giúp quân đội ta “càng đánh, càng mạnh”, phát triển từ các trung đoàn chủ lực lên các đại đoàn chủ lực... Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, lực lượng vũ trang cách mạng ngày càng lớn mạnh, đủ ba thứ quân, gồm cả những binh chủng và vũ khí hiện đại, chiến thắng đội quân nhà nghề của Mỹ trong 4 chiến lược chiến tranh, trong chiến tranh điện tử, chiến tranh khí hậu, quật ngã pháo đài bay B.52 trên bầu trời Hà Nội. Ngày này, lực lượng vũ trang cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng đã và đang bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội; công cuộc đổi mới, nền văn hóa và môi trường hòa bình của đất nước... Đó là những sự kiện nổi bật, minh chứng cho sự đúng đắn, sáng tạo trong xây dựng lực lượng vũ trang Việt Nam, trong xây dựng lực lượng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

4. Hình thành mặt trận đoàn kết quốc tế

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tăng thế và lực cho

cách mạng Việt Nam là quan điểm nhất quán, ngay từ khi còn hoạt động ở nước ngoài của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ rất sớm, Người đã có ý thức sâu sắc về việc đặt cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới, khi Người tham gia sáng lập “Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa” để tập hợp các dân tộc thuộc địa trên thế giới thành một khối sức mạnh thống nhất chống chủ nghĩa thực dân...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra sức mạnh của thời đại mới sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Đó là sức mạnh của giai cấp vô sản thế giới, trong đó có giai cấp vô sản đã giành được chính quyền ở một nước lớn là nước Nga xô viết, của nhân dân lao động thế giới đấu tranh vì độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội. Đó là cơ sở để Người tiếp tục khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới và trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, ngoài chủ trương dựa vào sức mạnh của dân tộc là chủ yếu, phải đồng thời phải khai thác sức mạnh của thời đại.

Tinh thần quốc tế vô sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong khẩu hiệu “bốn phương vô sản đều là anh em”, là tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động các nước, với những người tiến bộ trên thế giới vì hòa bình, công lý và tiến bộ xã hội. Đó là sự kết hợp chủ nghĩa quốc tế vô sản với chủ nghĩa yêu nước chân chính. Với Người, phải thông qua thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới. Đó là tư tưởng mang tính khoa học đúng đắn, vừa có tính chất cách mạng và mang đậm tính nhân văn sâu sắc. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, độc lập dân tộc cho mình đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc.

Trong mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi nguồn lực bên trong giữ vai trò quan trọng. Người nêu cao khẩu hiệu “Muốn người ta giúp cho thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình”; “Một dân tộc không

tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”. Muốn tranh thủ sức mạnh của thời đại phải có đường lối đúng đắn, phát huy độc lập, tự chủ, kết hợp chặt chẽ mục tiêu phấn đấu cho độc lập, thống nhất của dân tộc mình với mục tiêu của thời đại: “hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”.

Trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc, ấm no cho đồng bào, dù ở nơi đâu và trong bất cứ hoàn cảnh nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng tranh thủ được sự ủng hộ của bạn bè trên thế giới, hình thành mặt trận đoàn kết quốc tế gồm nhân dân và các lực lượng cách mạng trên thế giới giúp đỡ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Đó là một nhân tố quan trọng, góp phần làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Chính vì biết kết hợp phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế và của các dân tộc bị áp bức mà Đảng ta đã vượt qua mọi khó khăn đưa

giai cấp công nhân và nhân dân nước ta đến những thắng lợi vẻ vang ngày nay”.

5. Chăm lo những nhân tố có ý nghĩa quyết định đến sức mạnh của lực lượng cách mạng

Trước hết, đó là xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, phương pháp cơ bản trong tập hợp lực lượng cách mạng. Ngay từ rất sớm, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã thiết kế, xây dựng, tổ chức, lãnh đạo và điều hành hoạt động Mặt trận dân tộc thống nhất. Trong cách mạng Việt Nam, tổ chức mặt trận dân tộc thống nhất đã được thành lập trong cao trào cách mạng đầu tiên do Đảng lãnh đạo, đỉnh cao là phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, ngày 18 tháng 11 năm 1930. Tiếp nối là các hình thức tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất trong các thời kỳ được thành lập để tập hợp lực lượng cách mạng, điển hình nhất là Mặt trận Việt Minh, thành lập sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Mặt trận Việt Minh được coi là điển hình của tổ chức mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp rộng rãi nhất,

đồng đảo nhất các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị, các tôn giáo yêu nước..., thành một lực lượng cách mạng hùng mạnh để chống kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam lúc ấy là thực dân Pháp và phát xít Nhật. Từ đó đã tạo nên sức mạnh to lớn để giành thắng lợi vĩ đại trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận dân tộc thống nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc tập hợp lực lượng trong các giai cấp, tầng lớp trong xã hội tham gia các đoàn thể chính trị. Các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hội liên hiệp phụ nữ, văn nghệ sỹ... đã được thành lập từ rất sớm, luôn luôn được Người quan tâm để ngày càng phát triển, thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập đã tạo ra sự liên minh chính trị tự nguyện rộng rãi của tất cả các giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội trong xã hội Việt Nam, tạo nên lực lượng cách mạng to lớn trong các giai đoạn cách mạng.

Thứ hai là, xây dựng một nhà nước dân chủ, của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân tố quan trọng để phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. Xuất phát từ vai trò của Nhà nước cách mạng, trong Chương trình của Việt Minh Hồ Chí Minh đã trực tiếp đề cập đến việc thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân khi khởi nghĩa giành thắng lợi. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam ra đời, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “*Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương đều do dân cử ra. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân*”⁴. Quan điểm nêu trên không chỉ làm rõ bản chất của Nhà nước, mà khẳng định quan hệ gắn kết giữa Nhà nước và nhân dân, cơ sở để tập hợp lực lượng to lớn trong nhân dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Là người thành lập, đứng đầu Nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam suốt 24 năm, Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm xây dựng Nhà nước

dân chủ, cộng hòa Việt Nam làm hạt nhân lãnh đạo xây dựng lực lượng cách mạng, tập hợp sức mạnh toàn dân tộc.

Thứ ba là, trong việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc, Hồ Chí Minh xác định rất rõ vai trò, trách nhiệm của Đảng và quan tâm xây dựng Đảng, người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ rất sớm, Người đã viết: “*Cách mạng trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì có liên hệ với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy*”⁵. Người khẳng định “*Đảng ta là con nòi của dân tộc*”, và “*... Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam*”⁶.

Trong công tác xây dựng Đảng, Người đặc biệt quan tâm đến giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng, để từ đó tạo nên được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Trong Di chúc, Người viết:

“Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình”⁷.

6. Quan tâm giáo dục thế hệ trẻ, “bồi dưỡng các thế hệ cách mạng cho đời sau”

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, từ rất sớm lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp cách mạng của một dân tộc. Năm 1925, trong tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp”, Người viết: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại, người sẽ chết mất nếu đám thanh niên già cỗi của ngươi không sớm hồi sinh”⁸. Người đã thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tại Quảng Châu Trung Quốc, tổ chức đào tạo bồi dưỡng về lý luận cách mạng cho các thanh niên Việt Nam yêu nước từ trong nước sang, sau đó cử về nước tham gia phong trào “vô sản hóa”, là nòng cốt trong các phong trào cách mạng của nông dân, công nhân, học sinh, trí thức...

Sinh ra trong một gia đình nho học, ông ngoại, cha làm nghề dạy học, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được vai trò của giáo dục trong xã hội, nhất là trong đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Ngay từ cuối những năm 20, trước khi thành lập Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tranh thủ được sự giúp đỡ của Quốc tế cộng sản để gửi một số thanh niên sang Liên Xô học trường quốc tế Phương Đông, đào tạo họ thành những chiến sỹ cộng sản có lý luận, về nước tham gia các phong trào cách mạng do Đảng phát động. Nhận thức rõ vai trò của tri thức đối với lực lượng cách mạng cũng như toàn xã hội, khẳng định “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, ngay sau khi giành được chính quyền Tháng Tám năm 1945, Người đã chỉ ra “dốt” là một trong 3 thứ giặc cần đánh đổ. Tháng 9 năm 1945, sau khi đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, với tư cách là người đứng đầu Chính phủ lâm thời, Người đã viết thư gửi cho học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam mới. Trong thư có đoạn: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân

tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”⁹. Trong hoàn cảnh kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ còn rất nhiều khó khăn, gian khổ, Người vẫn quan tâm đến giáo dục và yêu cầu ngành giáo dục phải “Thi đua hai tốt”: dạy tốt và học tốt. Trong kháng chiến chống Pháp, sau khi lập được quan hệ ngoại giao, Người đã tranh thủ được sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc cử được nhiều thanh niên trẻ đi học ở hai nước này. Những năm kháng chiến chống Mỹ, Người chỉ đạo liên tục cử nhiều học sinh Việt Nam, từ các bậc học phổ thông đến sau đại học sang học tập tại Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Những lưu học sinh, nghiên cứu sinh Việt Nam qua các thời kỳ được đào tạo ở nước ngoài là lực lượng quan trọng trong đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ của Việt Nam và hiện nay là cầu nối hữu nghị giữa Việt Nam với nhiều nước trên thế giới.

Sự quan tâm đến đào tạo các thế hệ

cách mạng cho đời sau của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện sự quan tâm đến ngành giáo dục, mà còn yêu cầu tất cả các tổ chức đảng, chính quyền phải thường xuyên quan tâm, giúp đỡ, giáo dục thanh, thiếu niên trở thành những người kế tục sự nghiệp cách mạng của các thế hệ đi trước. Trong bản Di chúc bất hủ, Người viết: “ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên”. Và “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹⁰.

II. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng lực lượng cách mạng của Đảng hiện nay

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng cách mạng có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta, là một trong những nguyên nhân mang lại những thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử của cách

mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hiện nay, tình hình thế giới, khu vực đang diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, với nhiều yếu tố mới tác động trực tiếp đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, Đại hội XIII của Đảng sẽ tổng kết lý luận và thực tiễn, đề ra các giải pháp tăng cường xây dựng lực lượng cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Quán triệt sâu sắc và vận dụng đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh, giải pháp xây dựng lực lượng cách mạng trong giai đoạn mới cần tập trung vào các điểm chính sau đây:

Một là, đề cao chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc, giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam.

Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh cần đề cao chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, coi đó là sức mạnh tinh thần to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét: “đã là người Việt Nam thì ai cũng ít nhiều có lòng yêu nước”, và “dân ta có một lòng nồng

nàn yêu nước, đó là truyền thống quý báu của ta...”. Phát huy chủ nghĩa yêu nước chân chính để khơi dậy tinh thần tự cường dân tộc, “niềm tin và khát vọng phát triển” vươn lên, đưa đất nước trở thành quốc gia phát triển trên thế giới, để Việt Nam “bước lên đài vinh quang, sánh vai với cường quốc năm châu” như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán, rõ ràng quan điểm đặt lợi ích quốc gia, dân tộc là mục đích tối thượng để tạo cơ sở xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu chung “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Xây dựng con người và nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Khơi dậy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển, tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước

Hai là, chăm lo bồi dưỡng sức dân, xây dựng thể trận lòng dân.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, để phát huy tài lực, sức mạnh toàn dân cần thực hiện đầy đủ quan điểm Nhà nước bảo đảm quyền “tự do làm ăn theo pháp luật”, “khuyến khích làm giàu cho mình cho đất nước” để phát triển mạnh mẽ nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, định hướng lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện quan điểm phát triển bền vững, bao trùm, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau. Giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích trong xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển, từng chính sách xã hội; xây dựng một xã hội hài hòa, đoàn kết tương trợ lẫn nhau.

Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người, giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, kiểm soát sự phân hoá giàu - nghèo, kiểm soát và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, mâu thuẫn, xung

đột xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân. Tập trung giải quyết nhóm nghèo nhất, vùng nghèo nhất, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, miền, dân tộc. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông. Trên cơ sở đó để huy động mọi tiềm lực trong nhân dân cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân gắn bó với nhân dân, trung thành vô hạn với Tổ quốc và nhân dân. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, làm lực lượng nòng cốt bảo đảm quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, thế trận lòng dân trong bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội; trong đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào các công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an

ninh quốc gia và ổn định chính trị đất nước.

Bồi dưỡng, đào tạo xây dựng đội ngũ cán bộ chiến sỹ lực lượng vũ trang có bản lĩnh chính trị, trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân, có trình độ nắm bắt, khai thác, làm chủ khoa học, công nghệ, vũ khí, trang bị hiện đại. Chú trọng hiện đại hóa, “trí tuệ hóa” lực lượng vũ trang. Tập trung tổ chức xây dựng lực lượng, vũ khí, trang bị, xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh, đi thẳng vào hiện đại và ứng dụng công nghệ cao, nghiên cứu sản xuất các trang bị, vũ khí hiện đại của Việt Nam. Phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam trong điều kiện mới, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, chiến tranh kiểu mới. Xây dựng quân chủng Hải quân, Phòng không Không quân, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, có trang bị vũ khí, phương tiện tiên tiến, hiện đại. Nâng cao sức mạnh tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, công tác của lực lượng vũ trang đủ sức bảo vệ vững chắc vùng trời, vùng biển, đảo của Tổ quốc.

Bốn là, nâng cao chất lượng hoạt động đối ngoại hội nhập quốc tế.

Thực hiện nhất quán chính sách đoàn kết quốc tế, với tinh thần Việt Nam muốn là bạn, là đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế và các tổ chức quốc tế đang tham gia. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng vì lợi ích của dân tộc và đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc, tiến bộ trên thế giới.

Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại. Bảo đảm lợi ích của quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp, huy động tiềm năng, đổi mới, hoàn thiện thể chế trong nước. Nâng cao năng lực tự chủ, cạnh tranh, khả năng thích ứng của đất nước, tạo lập và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của đất nước. Xây dựng

nền ngoại giao hiện đại vì lợi ích quốc gia - dân tộc, lấy phục vụ người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Năm là, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh vì đất nước, vì nhân dân.

Để thực hiện giải pháp này, việc tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân có ý nghĩa quan trọng hàng đầu, là những nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm sự thành công của công cuộc đổi mới.

Xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực sự là liên minh chính trị tự nguyện của tất cả các giai cấp và tầng lớp nhân dân trong xã hội, tham gia giám sát, phản biện xã hội, xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền nhân dân. Phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất

lượng; nâng cao bản lĩnh, trình độ, kỹ năng nhằm thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp. Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có tinh thần dân tộc, có đạo đức và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi. Phát huy vai trò của Thanh niên, Phụ nữ, Cựu chiến binh trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tôn trọng và phát huy vai trò của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, trong nước và nước ngoài vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện tốt, có hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, dân chủ cơ sở trên thực tế, theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ

hưởng”. Thực hành và phát huy rộng rãi vai trò tự quản của nhân dân; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội. Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng cách mạng có giá trị

lý luận và thực tiễn to lớn trong hoạt động lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp của toàn dân tộc tiến hành công cuộc đổi mới định hướng lên chủ nghĩa xã hội. Phương pháp đúng đắn nhất, hiệu quả nhất kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại là nghiên cứu, vận dụng thành công các luận điểm, phương pháp và kinh nghiệm nêu trên trong xây dựng lực lượng cách mạng ở Việt Nam hiện nay ■

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.3.

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.7, tr.71.

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.8, tr.59.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.598.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.2, tr.226- 227.

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.6, tr.175.

^{7,10} Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.15, tr.622, 622.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.2, tr.144.

⁹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.4, tr.35.

HỌC TẬP PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO HỒ CHÍ MINH

● GS, TS TẠ NGỌC TẤN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Hồ Chí Minh là nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng Cộng sản, Nhà nước và nhân dân Việt Nam. Phong cách lãnh đạo của Người là sự thống nhất hữu cơ không thể chia tách giữa lòng yêu nước vô bờ bến, tình thương yêu nhân dân, thương yêu con người vô hạn với mục đích sống, mục tiêu phấn đấu trước sau như một là độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân và bác ái, bình đẳng cho con người; giữa một trí tuệ mẫn tiệp, vốn tri thức uyên thâm, những trải nghiệm cuộc sống phong phú với tác phong làm việc dân chủ, sáng suốt, quyết đoán, thái độ thân thiện, trân trọng với mỗi số phận, tinh thần đoàn kết quốc tế cao cả; giữa một tâm hồn cao thượng, chiều sâu văn hóa ưu

việt, sứ mệnh vĩ đại với lối sống giản dị, cần kiệm, liêm chính, tác phong gần gũi, khiêm nhường, kính già, yêu trẻ.

1. Lãnh đạo là để đạt được mục đích độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân, mang lại những giá trị mới mẻ, tốt đẹp cho xã hội, cho con người

Mục đích của toàn bộ nhận thức và hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh, cái làm nên cốt lõi phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh, chính là ở mục đích *độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân*. Mục đích ấy gắn bó hữu cơ, nhất quán với chính mục đích sống, mục đích đấu tranh trong suốt cuộc đời của Người. Trả lời các nhà báo nước ngoài, tháng 1 năm 1946, Hồ Chí Minh tuyên bố rất rõ ràng, khẳng

khái: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹. Nói chuyện với nhân dân Hà Nội trước khi sang thăm nước Pháp, Người nói: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân... Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân”². Đó không chỉ là lời nói. Đó là chất lý tưởng chảy trong huyết quản, là tâm nguyện nung nấu trong tâm can, và là chính cuộc đời của Người - cuộc đời của một vị thánh, dâng hiến tất cả cho mục đích cao cả. Vì mục đích lý tưởng này mà Người quyết chí ra đi, bôn ba khắp năm châu bốn biển, chịu bao gian khổ, hiểm nguy, vượt lên đời rét, tù đày, tìm ra con đường đúng đắn, học cách tổ chức cuộc đấu tranh cứu nước, cứu dân.

Mục đích cứu nước, cứu dân lúc nào cũng đau đáu trong tim, thôi thúc Người sống, chiến đấu. Trong nhà tù Quốc dân đảng Trung Quốc,

Người tự nhủ mình giữ vững tinh thần để chờ ngày trở về tiếp tục sự nghiệp lớn chưa thành: “Thân thể ở trong lao/Tinh thần ở ngoài lao/Muốn nên sự nghiệp lớn/Tinh thần càng phải cao”. Giữa núi rừng Việt Bắc, trong cơn sốt hiểm, một lần tỉnh dậy sau cơn mê sảng, Người lại gọi Võ Nguyên Giáp đến để căn dặn rằng: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng kiên quyết giành cho được độc lập”³. Đối với Hồ Chí Minh, Tổ quốc và nhân dân là những điều tốt đẹp nhất mà Người đấu tranh và dâng hiến. Đó cũng chính là chân lý cuộc sống, rất rõ ràng, dễ hiểu. “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân - tức là phục tùng chân lý”⁴. Chân lý ấy chi phối và thể hiện trong tất cả mọi quyết định, mọi phương pháp, hành vi của hoạt động lãnh đạo trong thực tiễn của Người, nhất là trong những thời điểm khó khăn, phức tạp.

Hồ Chí Minh nhắc nhở cán bộ, đảng viên rằng, muốn lãnh đạo cho đúng thì việc đầu tiên là “phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng”, có nghĩa là phải xác định cho đúng mục tiêu của công việc, chỉ ra được cái đích đúng đắn cho mỗi giai đoạn cách mạng. “Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng”. Có nghĩa là phải dựa vào nhân dân, lắng nghe tâm tư nguyện vọng, xem đâu là mong muốn, lợi ích chính đáng của nhân dân, những điều ấy có phù hợp với các điều kiện thực tế và kinh nghiệm của nhân dân không. Bởi vì, “Ý dân là ý trời. Làm đúng ý nguyện của dân thì ắt thành. Làm trái ý nguyện của dân thì ắt bại”⁵. Đó cũng chính là những điều, những việc mà chính Người thực hành mỗi ngày.

Hồ Chí Minh cống hiến cả cuộc đời mình cho dân tộc, quên tình riêng vì nghĩa lớn, quên mình cho nhân dân. Người là một con người như bao con người khác, có tình yêu rộng lớn, cao cả dành cho quê hương, đất nước, nhân dân, và cũng có tình yêu tha thiết, thầm kín dành

cho gia đình, người yêu thương. Câu chuyện mà Sơn Tùng kể lại trong tác phẩm “Búp sen xanh”, và còn những câu chuyện nào nữa mà chính Người chưa kể, tất cả cùng đến một cái kết cao cả, thiêng liêng - dứt tình yêu riêng vì tình yêu chung, tình yêu dân tộc, yêu đất nước, yêu nhân dân.

Năm 1946, trong một lần gặp Hồ Chí Minh, Huỳnh Thúc Kháng ứng tác hai câu thơ với ngụ ý hỏi chuyện riêng tư của Người:

*Năm mươi sáu tuổi vẫn chưa già
Cụ ông thấy, Cụ bà không?*

Lúc đó Người chỉ cười không nói gì. Nhưng trong thời gian đi thăm nước Pháp, Hồ Chí Minh đã gửi về riêng cho Huỳnh Thúc Kháng một bài thơ:

*Nghĩ rằng ra thơ để trả lời,
Nhớ ơn cụ lắm, cụ Huỳnh ơi,
Non sông một mối chung nhau
gánh,
Độc lập xong rồi cưới vợ thôi!⁶*

Nhưng rồi độc lập chưa xong, hòa bình không thể cứu vãn do sự ngoan cố của thực dân Pháp, cuộc kháng chiến 9 năm chống xâm lược Pháp, can thiệp Mỹ, lại tiếp đến

miền Nam “Nửa mình còn trong lửa nước sôi”. Và, Hồ Chí Minh đã đi hết cuộc đời mình chỉ với một tình yêu lớn - tình yêu non sông, đất nước, chỉ với một gia đình lớn - gia đình dân tộc, nhân dân.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh rằng, nhân dân là chủ nhân của đất nước, của chế độ xã hội, và đảng viên, cán bộ lãnh đạo là “đây tớ” của nhân dân. “Chế độ ta là chế độ dân chủ, nghĩa là nhân dân làm chủ. Đảng ta là Đảng lãnh đạo, nghĩa là tất cả các cán bộ, từ Trung ương đến khu, đến tỉnh, đến huyện, đến xã, bất kỳ cấp nào và ngành nào - đều phải là người đẩy tớ trung thành của nhân dân”⁷. Người nói như thế và sống đúng như thế, tự giác như một sự tất yếu là như thế, yêu thương, trân trọng với mỗi con người, chia sẻ, hòa đồng không kể cấp bậc, địa vị xã hội. Nhưng ý nghĩa còn cao cả hơn, nhân văn hơn, khi Người thực sự là *một đấng tớ suốt đời phụng sự mục đích độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân!*

2. Lãnh đạo là sự nhìn xa trông rộng, làm chủ tình hình, đưa ra những quyết định đúng đắn trong mọi tình

huống, nhất là trong những tình huống phức tạp, khó khăn

Bình tĩnh, sáng suốt và quyết đoán là những đặc điểm nổi bật trong phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh. Trước khi đi thăm nước Pháp, người căn dặn cụ Huỳnh Thúc Kháng rằng “đi bất biến ứng vạn biến”. Đó là phép quyền biến, thống nhất nhuần nhuyễn từ nhận thức đến các quyết định, hành vi lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng.

Hồ Chí Minh tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin cái “cẩm nang thần kỳ” cho cách mạng Việt Nam. Nhưng Người nhận thức rằng, “Chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho hành động, chứ không phải là kinh thánh”⁸, vì thế, những người cộng sản tuyệt nhiên không tiếp nhận nó như những giáo lý khô cứng, mà phải biết cụ thể hóa, vận dụng làm sao cho phù hợp với hoàn cảnh của đất nước, từng lúc và từng nơi một cách hợp lý. Kết luận đó trở thành một phương pháp tư duy, phương pháp hành động trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở những nguyên lý

của chủ nghĩa Mác - Lê nin, Người đã vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của nước ta để giải quyết một loạt vấn đề xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng, vấn đề dân tộc và giai cấp trong cách mạng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, v.v..

Tại Hội nghị thành lập Đảng, những nguyên tắc, định hướng chung của cách mạng Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã được xác định, trong đó đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc. “Sách lược vắn tắt của Đảng” do người chuẩn bị khẳng định: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v.. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”⁹. Tuy nhiên, chỉ 8 tháng sau, tức là vào tháng 10-1930, “Án nghị quyết của Trung ương toàn thể Đại hội nói về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng” đã phê phán toàn bộ đường lối do Hội

nghị thành lập Đảng đề ra trong đó coi việc lôi kéo tầng lớp “tiểu, trung địa chủ” là “sai lầm nguy hiểm”, tôn chỉ của tổ chức công, nông hội thì “mất cả ý nghĩa đấu tranh giai cấp”. Và Án nghị quyết đã tuyên bố: “Thủ tiêu chính cương sách lược và Điều lệ cũ của Đảng, lấy kinh nghiệm trong thời kỳ vừa qua mà thực hành công việc cho đúng như Án nghị quyết và Thơ chỉ thị của Q.T.C.S” và “Bỏ tên “Việt Nam Cộng sản Đảng” mà lấy tên “Đông Dương Cộng sản Đảng”¹⁰. Có thể nói, đây là một “bước lùi” sách lược của Đảng do Hồ Chí Minh chủ trương để thích ứng với yêu cầu của Quốc tế Cộng sản lúc đó. Trong thư của Trung ương gửi cho các cấp đảng bộ” ngày 9-12-1930 cũng xác nhận “Đồng chí ấy (tức Nguyễn Ái Quốc - TNT) nay đã nhận rõ những điều sai lầm và cũng đã đồng ý với T.ư mà sửa đổi những chỗ sai lầm lúc trước”¹¹.

Tuy nhiên, đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh và Đảng ta không thay đổi, thậm chí có phần còn mở rộng hơn tùy theo tình hình cụ thể. Năm 1955, sau khi

miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng, Người còn nhấn mạnh: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”¹². Thực tế đã chỉ ra rằng, tư tưởng đoàn kết toàn dân tộc chính là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào Việt Nam, một nước thuộc địa, nửa phong kiến, và chính đó là một yếu tố góp phần tăng cường sức mạnh lực lượng cách mạng, một điều kiện hàng đầu bảo đảm cho những thắng lợi to lớn trong đấu tranh cũng như xây dựng đất nước.

Hồ Chí Minh luôn *đưa ra các quyết định và hành động một cách quyết đoán*. Trong hoàn cảnh Hội nghị Phôngtennoblô thất bại, tình thế cách mạng vô cùng phức tạp, vận mệnh của đất nước đặt trước thách thức nguy hiểm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang có mặt tại Pháp, với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp đã tranh thủ dàn xếp ký với Chính phủ pháp bản Tạm ước ngày 14-9-1946. Đây là một quyết định sáng suốt, quyết đoán, một

sách lược ngoại giao tài tình của Người. Mặc dù có nhượng bộ cho phía Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa ở Việt Nam, nhưng Tạm ước 14-9 đã buộc Chính phủ Pháp thi hành các quyền tự do, dân chủ và ngừng bắn ở Nam Bộ, kéo dài thời gian hòa hoãn, giúp cho nhân dân ta có thêm thời gian chuẩn bị sức người, sức của cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Với mục tiêu cách mạng trước sau như một không thay đổi, nhưng để tập hợp lực lượng đoàn kết toàn dân tộc, chống lại sự xuyên tạc, chống phá đối với nhà nước công nông non trẻ, Hồ Chí Minh đã có những quyết định có ý nghĩa quan trọng: Mời các đảng chính trị thân với Pháp, thân đội quân can thiệp của nước ngoài cùng tham gia Chính phủ lâm thời; giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương, thành lập Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác; và sau đó tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai, tháng 2-1951, đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam. *Đó là những quyết định thể hiện sách lược thông minh, sáng suốt, ứng biến kịp thời với điều kiện*

lịch sử cụ thể và yêu cầu của cách mạng của nhà lãnh đạo tài trí Hồ Chí Minh. Đúng như nhận xét của Chủ tịch nước Cu Ba Đorticos: “Cuộc đời của Người là một tấm gương sáng chói những phẩm chất cách mạng và nhân văn cao cả nhất. Hiếm có một nhà lãnh đạo nào mà trong những giờ phút thử thách lại tỏ ra sáng suốt, bình tĩnh, gan dạ, quên mình, kiên nghị và dũng cảm một cách phi thường như thế”¹³.

3. Lãnh đạo là thu phục nhân tâm, xây dựng lực lượng, dựa vào nhân dân để thực hiện thành công mục tiêu cách mạng

Một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu để làm nên phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh chính là *phương pháp công tác* - những năng lực đã góp phần tập hợp lực lượng, gia cường sức mạnh tổ chức, động viên, cổ vũ hàng triệu người vào cuộc đấu tranh, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trong mỗi giai đoạn cách mạng.

Hồ Chí Minh là nhà lãnh đạo *đặc biệt coi trọng dân chủ và thực hành dân chủ*. Trong phong cách lãnh đạo của Người, dân chủ trước hết là

nhận thức đúng, tôn trọng, bảo vệ và thực hành quyền của người dân với tư cách là chủ nhân của đất nước, chủ nhân của chế độ xã hội. Đối với Người, nhân dân là *từ lớn nhất, đẹp nhất và mạnh mẽ nhất*. Người nhấn mạnh: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”¹⁴. Đó là nguồn gốc tất yếu để dẫn tới kết luận có sức nặng như hòn đá tảng, cơ sở phương pháp luận chỉ đạo nhận toàn bộ thức lý luận cũng như hành động trong thực tiễn: “Ý dân là ý trời. Làm đúng ý nguyện của dân thì ắt thành. Làm trái ý nguyện của dân thì ắt bại”¹⁵. Gần 600 năm trước, khi qua cửa Bạch Đằng, Nguyễn Trãi đã viết “Phúc chu thủy, tín dân do thủy” (Lật thuyền mới biết sức dân là sức nước); hơn 2.300 năm trước, Tuân Tử đã nhận ra rằng: “Dân do thủy dã, thủy năng tải châu, nhi năng phúc châu” (Sức dân là sức nước, chở thuyền là nước, lật thuyền cũng là nước). Khi coi “ý dân là ý trời”, Người không chỉ nắm bắt được quy luật của lịch sử, mà còn nhận thức

quy luật đó ở chiều sâu sắc, ở tầm rộng lớn hơn. Khi nói về chế độ ta, Người xác định, “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân/ Bao nhiêu quyền hạn đều của dân/ Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân/ Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân...”¹⁶. Bởi vậy, trách nhiệm của các cấp chính quyền, nghĩa vụ của mọi cán bộ, đảng viên đều là đẩy tới trung thành của nhân dân. Mọi chính sách hay quyết định lãnh đạo của Người, từ khâu đề ra mục tiêu, xây dựng lực lượng, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ để đạt được mục tiêu, đến kiểm tra, đánh giá, bảo đảm hiệu quả thực hiện mục tiêu, đều phải bắt đầu từ nhân dân và trở về với nhân dân. Đúng như Người nói: “Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng mà ra, trở lại nơi quần chúng”¹⁷.

Tôn trọng nhân dân, tin tưởng ở sức mạnh của nhân dân, Hồ Chí Minh là người luôn lắng nghe ý kiến cán bộ, gần dân, học hỏi từ nhân dân. Người quan tâm đến từng số phận người dân, Người cải trang đi thăm dân trong dịp tết độc

lập đầu tiên, gửi lụa cho người già cả, yêu thương chăm sóc các cháu thiếu niên, nhi đồng. Người làm mọi việc vì nhân dân, dựa vào nhân dân. Người nói về kinh nghiệm của mình, đồng thời cũng là lời khuyên cho các học viên lớp viết báo Huỳnh Thúc Kháng: “Khi viết xong một bài tự mình phải xem lại ba bốn lần, sửa chữa lại cho cẩn thận. Tốt hơn nữa, là đưa nhờ một vài người ít văn hóa xem và hỏi họ những câu nào, chữ nào không hiểu, thì sửa lại cho dễ hiểu”¹⁸.

Hồ Chí Minh coi *Thực hành dân chủ* là cái chìa khóa vạn năng của lãnh đạo, có thể giải quyết mọi khó khăn trong công tác thực tiễn. Bởi vì “Dân chủ, sáng kiến, hăng hái, ba điều đó rất quan hệ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi, thì những người đó càng thêm hăng hái, và những người khác cũng học theo. Và trong khi tăng thêm sáng kiến và hăng hái làm việc, thì những khuyết điểm lật vặt, cũng tự sửa chữa được nhiều”¹⁹. Dân chủ phải gắn liền với tự do tư tưởng,

thông qua tự do tư tưởng mà tìm ra chân lý, nghĩa là tìm ra mục tiêu đúng, phương pháp hay, cách làm có hiệu quả. Nhưng khi đã tìm ra chân lý thì “lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng *chân lý*”²⁰. Nói cách khác, dân chủ phải gắn liền với tập trung. Khi đã tự do tư tưởng, tìm ra được chân lý, có được quyết định chung rồi thì phải nghiêm chỉnh phục tùng, thực hiện cho bằng được.

Ở Hồ Chí Minh, người lãnh đạo *dân chủ với sự giản dị, khiêm tốn, cầu thị, gắn bó chặt chẽ, là điều kiện của nhau*. Dân chủ cũng đối lập với tự kiêu. Theo Người, “Tự kiêu nhất định sẽ đi đến thất bại. Vì kiêu ắt đi đôi với nịnh. Đã kiêu thì ắt ghét những người tài giỏi hơn mình. Ưu những kẻ nịnh hót mình. Thân cận những kẻ vô tài bất lực, nhưng khéo nịnh hót a dua. Xa cách hoặc đì hãm những người có tài có đức hay bàn ngay nói thẳng. Như thế thì sao khỏi hỏng việc”²¹.

Dân chủ phải gắn bó với kỷ cương, kỷ luật. Người là một tấm gương về tinh thần kỷ cương, kỷ luật. Trong đời thường hay họp hành, đi công

tác, Người rất đều rất đúng giờ. Người cũng nghiêm khắc phê bình những cán bộ không làm việc đúng giờ. Trong kháng chiến chống Pháp, một vị tướng đến làm việc với Người nhưng chậm 15 phút do mưa lũ. Người hỏi: “Chú làm tướng mà đi chậm 15 phút thì bộ đội của chú hợp đồng sai đi bao nhiêu?”. Có lần, Người và đồng bào phải đợi một đồng chí lãnh đạo cao cấp đến để bắt đầu cuộc họp. Đồng chí cán bộ xin lỗi Người vì đến muộn mất 10 phút. Người nói: “Chú tính thế chưa đúng, 10 phút của chú phải nhân với 500 người đợi ở đây”. Người phê bình việc chậm trễ trong giờ giấc, đồng thời cũng chỉ ra một bài học rất thực tế, dễ hiểu về tác hại của khuyết điểm ấy.

Hồ Chí Minh *coi trọng phê bình và tự phê bình*, coi đó là một phương thức cần thiết để giúp cán bộ, đảng viên tiến bộ, giúp tổ chức đoàn kết. “Tự phê bình và phê bình là thứ vũ khí sắc bén nhất, nó giúp cho Đảng ta mạnh và ngày càng thêm mạnh. Nhờ nó mà chúng ta sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, tiến bộ không ngừng”²².

Với Người, sai lầm hay khuyết điểm là việc không tránh khỏi, “có làm việc thì có sai lầm”. Vấn đề là không sợ khuyết điểm, là phê bình thực thà, thẳng thắn, trong tình thương yêu đồng chí, đồng đội, để giúp đỡ nhau tiến bộ, không phải phê bình để hạ bệ, làm hại lẫn nhau. Sau sai lầm của Cải cách ruộng đất, dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, Hội nghị Trung ương 10 mở rộng Khóa II (tháng 10/1956), đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Đề cương báo cáo của Bộ Chính trị chỉ ra rằng, đó là “những sai lầm rất nghiêm trọng”, “đã khùng bố tàn khốc những người nông dân vô tội, đả kích mù quáng vào đảng viên và cán bộ tốt của Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng”. Nguyên nhân của những sai lầm đó là do “chính sách không cụ thể”, “tư tưởng chỉ đạo phạm tả khuynh, tác phong đại khái, quan liêu, độc đoán”²³. Bộ Chính trị tự phê bình trước Trung ương. Trung gửi thư đến toàn thể đảng viên, nghiêm túc tự phê bình và tỏ thái độ “rất đau xót khi xét

thấy những sai lầm khuyết điểm vừa qua, khi nghĩ đến những đồng chí, đồng bào bị oan uổng”²⁴. Thái độ thành khẩn, nhìn thẳng vào sự thật, nghiêm khắc tự phê bình của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh không những không làm yếu Đảng, mà còn cho thấy bản lĩnh chính trị và thái độ trách nhiệm cao của Đảng trước nhân dân, trước sự nghiệp cách mạng cao cả.

Để xây dựng lực lượng, thực hiện thắng lợi mục tiêu cách mạng, Hồ Chí Minh *đặc biệt coi trọng đoàn kết*. Người cho rằng, “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”²⁵. “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”²⁶. Vì sự đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện mục tiêu độc lập, sau khi giành được chính quyền về tay nhân dân, Người mời cựu hoàng bảo đại và Linh mục Lê Hữu Từ làm cố vấn cho Chính phủ. Trong Di chúc, Người nhắc nhở Đảng ta “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng như giữ gìn con người của mắt

mình”²⁷. Người đã kỳ công kết nối, chia sẻ để giữ gìn sự đoàn kết trong phong trào cộng sản. Trước lúc đi xa, Người vẫn rất đau lòng vì “sự bất hòa” giữa các đảng anh em. Người mong muốn rằng “Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”²⁸.

4. Đào tạo, rèn luyện, xây dựng và sử dụng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ trung kiên là yếu tố hàng đầu bảo đảm thành công của lãnh đạo

Người lãnh đạo không thể đạt được mục tiêu đặt ra nếu không biết dùng người, đặc biệt là chọn lọc, đào tạo, rèn luyện và sử dụng những trợ thủ gần gũi, những chuyên gia tư vấn và những người được ủy nhiệm để thực thi những nhiệm vụ quan trọng, nắm giữ những đầu mối trọng yếu của tổ chức. Đó là bộ tham mưu, những người đóng góp trí tuệ, tài năng để thực hiện mục tiêu, cũng là những đại diện để biểu hiện và lan tỏa hình ảnh, làm tăng thêm sức thuyết phục của người lãnh đạo. Kinh nghiệm nhân dân đúc kết

rằng: “thần thiêng nhờ bộ hạ”, “dụng nhân như dụng mộc”. Hồ Chí Minh nhận thức rằng: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”²⁹. Trong chính sách về cán bộ, Người nhấn mạnh những việc cần phải chú ý: Hiểu biết rõ cán bộ; Khéo dùng cán bộ; Cất nhắc cán bộ một cách cho đúng; Phải phân phối cán bộ cho đúng; Thương yêu cán bộ; Phê bình cán bộ. Với tư cách một nhà lãnh đạo, Người là một điển hình về sự tinh tế và thành công trong dùng người, dùng cán bộ.

Trong quá trình cách mạng, Hồ Chí Minh đã tập hợp, giáo dục, rèn luyện một đội ngũ cán bộ tài năng, đạo đức trong sáng, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, toàn tâm, toàn ý phục vụ cho lý tưởng độc lập dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Đó là các thanh niên, trí thức yêu nước, dưới sự giáo dục, dìu dắt, rèn luyện trực tiếp của Người trở thành những chiến sỹ cách mạng trung kiên, đã ngã xuống trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc như: Trần Phú, Lê

Hồng Phong, Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai, Phùng Chí Kiên, v.v.; những nhân vật quan trọng trong đội tham mưu chiến đấu của cách mạng, những nhà lãnh đạo ưu tú của Đảng, Nhà nước như: Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Tôn Đức Thắng, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Lương Bằng, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, v.v..

Đó là những nhân sỹ, trí thức và những người đã hoạt động trong bộ máy chính quyền cũ, nghe theo tiếng gọi yêu nước, tham gia gánh vác những trọng trách trong chính quyền nhân dân như: Huỳnh Thúc Kháng, Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn, Nguyễn Văn Tố, Võ Liêm Sơn, Lê Thuộc, Bùi Kỳ, Phan Anh, Vũ Đình Hòe, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Văn Huyền, Hoàng Minh Giám, Trần Đăng Khoa, Trương Đình Tri, Bồ Xuân Luật, v.v.. Đó là những trí thức tây học, những người thành danh tại Pháp, nghe theo tiếng gọi của cách mạng và bị thuyết phục bởi Hồ Chí Minh mà tự nguyện tham gia kháng chiến, kiến

quốc, có những đóng góp to lớn cho đất nước như: Trần Đại Nghĩa (Phạm Quang Lễ), Trần Đức Thảo, Trần Hữu Tước, Võ Quý Huân, Lê Văn Thiêm, Phạm Huy Thông, Hoàng Xuân Nhị, Nguyễn Hy Hiền (Lê Tâm), Trần Văn Du, v.v..

Huỳnh Thúc Kháng, một chí sỹ, nhà chính trị, nhà báo nổi tiếng, một chiến sỹ tiền bối suýt soát tuổi đời với cụ Nguyễn Sinh Sắc, là người vô cùng tôn trọng và khâm phục tài đức của Hồ Chí Minh. Hơn 70 tuổi vẫn nhận lời mời của Hồ Chí Minh tham gia Chính phủ, làm Bộ trưởng Nội vụ, rồi giữ Quyền Chủ tịch nước trong thời gian Người đi thăm Pháp. Tháng 8-1941, Phùng Chí Kiên, một cán bộ được đào tạo bài bản tại Trường quân sự Hoàng Phố, từng làm đại đội trưởng Hồng quân công nông Trung Quốc, tốt nghiệp Trường Phương Đông Liên Xô, người phụ trách công tác quân sự của Đảng, bị địch bắt và giết hại. Hồ Chí Minh lựa chọn người để gánh vác nhiệm vụ quân sự thay Phùng Chí Kiên là Võ Nguyên Giáp, một giáo viên dạy sử. Và tên tuổi Võ Nguyên Giáp đã

gắn liền với Điện Biên Phủ và những chiến thắng quân sự lừng lẫy địa cầu, trở thành một trong ít vị tướng nổi tiếng nhất thế giới trong thế kỷ XX.

Toàn bộ đội ngũ cán bộ ấy đã nói lên cái tài, cái khéo trong đào luyện và dùng người, một yếu tố đặc biệt quan trọng trong phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh.

5. Người lãnh đạo là thủ lĩnh, người chỉ đường dẫn lối, tấm gương sáng cho cấp dưới và quần chúng nhân dân noi theo

Chính là văn hóa và lối sống đã là một phần riêng có, đặc biệt, góp phần tạo nên sự đặc sắc, sức hút của phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh. Chất văn hóa Hồ Chí Minh là kết tinh từ trí tuệ, tài năng và lý tưởng sống cao cả. Lối sống Hồ Chí Minh là biểu hiện sinh động của tình yêu đất nước, dân tộc, tình yêu con người vô bờ bến. Văn hóa và lối sống của Hồ Chí Minh tự nó làm nên hình ảnh một nhà lãnh đạo kiệt xuất, có sức hút mãnh liệt của một vị thánh, một ông tiên giữa đời thường mà không cần bất cứ sự tô vẽ nào, bất cứ thủ thuật hỗ trợ nào.

Cuối năm 1923, nhà văn xô-viết Ôxíp Mandenxtam lần đầu tiên gặp Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh vừa từ Paris đến Mátxcova, đã viết: “Trong cử chỉ cao thượng, trong giọng nói trầm lắng của Nguyễn Ái Quốc, tôi thấy được ngày mai, thấy cái viễn cảnh trời yên biển lặng của tình hữu ái toàn thế giới bao la như đại dương”; ở người chiến sỹ cách mạng Việt Nam trẻ tuổi ấy “tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hóa của tương lai”³⁰. David Hamberstam nhà báo Mỹ viết trên tờ New York Times: “Khác với một số người mà nhân dân Việt Nam đã thấy ở các xã hội bị nô dịch, càng lên cao càng bị tha hóa, nhưng đối với Cụ Hồ Chí Minh, tính giản dị của Cụ là một chất liệu có sức mạnh to lớn. Càng lên cao, Cụ càng tỏ ra giản dị và trong sạch và luôn luôn gìn giữ những giá trị Việt Nam vĩnh cửu: tôn kính người già, yêu mến thiếu nhi, coi thường tiền bạc, giàu sang”³¹. Hai nhận xét về Hồ Chí Minh, một từ những năm đầu trên con đường cách mạng, một là khi Người đã dừng bước trên

đường đời. Cả hai nhận xét có thể khác nhau về ngôn từ nhưng hàm nghĩa chỉ là một - *văn hóa Hồ chí Minh, văn hóa ở tầm cao trí tuệ, nhân văn, bình dị và hào sảng của một nhà lãnh đạo kiệt xuất.*

Sau 30 năm bôn ba khắp thế giới, Người vẫn nói tiếng Nghệ, thích ăn cà dầm mắm, nhớ từng câu dân ca, ca dao, nhớ từng người bạn thuở niên thiếu... Thủ tướng Phạm Văn Đồng kể lại rằng: “Trong những bữa cơm, tiệc trà thân mật giữa nhân viên cao cấp Chính phủ, Hồ Chủ tịch vui thú, nói chuyện, làm thơ, khôi hài”³². Hồ Chí Minh làm thơ, không chỉ tập thơ “Nhật ký trong tù” mà còn nhiều thơ chữ Hán, thơ chữ quốc ngữ, những câu thơ đột xuất trong các diễn văn, bài báo, bài nói chuyện. Hồ Chí Minh viết hàng trăm tiểu phẩm báo chí, một thể loại châm biếm và nhiều khi đặc sắc nhờ vào sự hài hước, tính châm biếm. Khi nói đến các tướng lĩnh, nhà lãnh đạo các nước đế quốc, thực dân đem quân xâm lược nước ta, Người có những cách gọi tên họ rất hóm và cũng rất châm biếm: tổng thống Truman là Tu-ma

(tiếng Tày là con chó - TNT), tổng thống Eisenhower là tổng Ai, Mc Arther là Mặt-ác-tê, Mc Namara là Mặt-nạ-ra-ma, tướng Westmoreland là Vét-mỡ-lợn... Người “báo tin mừng cho lính Mỹ” rằng, Mỹ mới đặt mua của Philippine 40 vạn cái bao đựng xác để chuyển sang chiến trường Việt Nam.

Là một người lãnh đạo tối cao của Đảng, Nhà nước, nhưng Người rất *giản dị trong lời ăn, tiếng nói, nhiều khi pha chất khôi hài, hóm hình rất tài hoa.* Vào thăm gia đình cán bộ văn phòng ở chiến khu Việt Bắc có ba con gái tên là Thu Thủy, Thu Thảo, Thu Vân, Người bảo: “Sao đặt tên văn chương thế, gọi Thu Ngô, Thu Sấn, Thu Khoai có hay hơn không!”. Khi ra về, Người bảo: “Nói vui thế thôi, chứ những tên Việt Nam ấy rất đẹp”. Đến thăm Nhà máy cơ khí Gia Lâm, thấy biển đề tên nhà máy không có dấu, Người nói vui, “Đây là: Nhà máy có khí già lắm”. Một lần đến thăm đơn vị bộ đội, thấy tờ báo tường kẻ dòng chữ “Hô Chu tịch muôn năm!” rất đẹp nhưng không có dấu, Người nói vui: “Ừ đúng rồi, Bác đi đường mệt, Hồ Chủ tịch muốn

nằm”. Người ôn tồn giải thích: “Các chú viết đẹp nhưng chưa đúng nên mất đẹp đi đấy, chữ Việt ta rất đẹp, khi đúng, đủ dấu càng đẹp hơn”. Đó là một bài học thật sâu sắc, sự phê bình thật nhẹ nhàng, độ lượng. Nhưng với kẻ thù, sự hóm hỉnh, hài hước của Người trở thành một vũ khí châm biếm sắc xảo. Năm 1946 trên đường từ Pháp về nước, Đô đốc Đácgiăngliơ mời Chủ tịch Hồ Chí Minh ghé thăm quân cảng Cam Ranh với mục đích điều võ, giương oai. Người ngồi giữa, một bên là Đô đốc hải quân, một bên là thống soái lục quân. Đácgiăngliơ nói bóng gió: “Thưa ông Chủ tịch, hôm nay ông bị đóng khung giữa hải quân và lục quân đó”. Người mỉm cười và nói chậm rãi: “Đô đốc biết đó, chính bức họa mới đem lại giá trị cho bộ khung!”. Câu trả lời như một cử chỉ ngoại giao lịch sự, cũng là một đòn đả cho thói kiêu ngạo của một viên tướng thực dân.

Theo lời kể của Phạm Văn Đồng, người học trò gần gũi của Hồ Chí Minh, Người sống giản dị đến mức “khắc khổ, cần lao và tranh đấu”. Những năm tháng khó khăn, thiếu

đói ở chiến khu, Người cùng anh em, đồng chí chịu đựng, có rau ăn rau, có cháo ăn cháo. Biệt đãi duy nhất là bát nước cơm mà anh nuôi Lộc mỗi bữa vẫn để dành riêng cho người. Ngày đầu tiên đến Pháp với cương vị thượng khách của chính phủ, bà con việt kiều đến thăm Người quá đông, phòng khách không đủ ghế ngồi, Người ngồi xuống sàn nhà, mời bà con cùng ngồi quây quần nói chuyện. Người chỉ có một chiếc áo dạ là chiến lợi phẩm do bộ đội gửi tặng. Trong chiến dịch Biên Giới Thu Đông năm 1950, khi đến thăm thương binh, Người cởi chiếc áo dạ đang mặc đắp cho một chiến sỹ bị thương đang bị rét. Người tự lập hũ gạo nuôi quân, tiết kiệm gạo để đóng góp nuôi chiến sỹ ngoài mặt trận. Trong khó khăn, gian khổ, Người vẫn sống hạnh phúc, đầy niềm tin và cả chất lãng mạn. Nhà đạo diễn điện ảnh xô viết nổi tiếng Rôman Căcmen xúc động nhớ lại: “Giữa những lùm cây là ngôi nhà tre của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trông không khác gì hàng nghìn ngôi nhà của nông dân Việt Nam. Nền đất, mái lợp lá cọ, không

có tường, xung quanh là rừng, là tiếng chim hót, là những tàu cộ kêu xào xạc, là những thân tre kêu cọt két. “Chủ tịch phủ” - Chủ tịch Hồ Chí Minh mỉm cười nói về ngôi nhà của mình³³.

Thời gian sống ở Hà Nội, ngoài những cuộc tiếp khách, vị Chủ tịch Chính phủ vẫn ngày hai bữa cùng ăn chung với anh em nhân viên, chiến sỹ bảo vệ. Người dành tiền nhuận bút viết báo để mua nước ngọt cho các chiến sỹ phòng không trong những ngày chiến đấu đánh trả các cuộc không kích của máy bay Mỹ, v.v.. Đời sống vật chất giản dị, thanh bạch của Người “càng hòa hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất”. Bởi thế, Phạm Văn Đồng đã nhận xét với sự trân quý, ngưỡng mộ tột cùng: “Hồ Chủ tịch là người Việt Nam, Việt Nam hơn người Việt Nam nào hết”.

Hồ Chí Minh là một lãnh tụ vĩ

đại, nhà văn hóa lỗi lạc và Người cũng là một nhà lãnh đạo kiệt xuất. *Phong cách lãnh đạo đặc biệt của Người bắt nguồn từ chính tâm hồn cao thượng, chiều sâu văn hóa, trí tuệ mãi mãi tiếp, lý tưởng nhân văn, sứ mệnh vĩ đại, lối sống giản dị, cần kiệm, liêm chính, tác phong gần gũi, khiêm nhường, kính già, yêu trẻ, tràn đầy tình thương yêu con người.* Không ai có thể học tập và làm theo toàn bộ phong cách lãnh đạo của Người để trở thành một nhà lãnh đạo Hồ Chí Minh thứ hai. Điều ấy là không thể, không khoa học và phi thực tế. Nhưng nói như Trần Văn Giàu: “Người ta không thể trở thành một cụ Hồ Chí Minh, nhưng ở Cụ Hồ mỗi người có thể học một số điều làm cho mình trở thành tốt hơn”³⁴. Nếu như mỗi nhà lãnh đạo có thể học tập được một số điều trong phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh, chắc chắn xã hội của chúng ta sẽ có nhiều thêm những giá trị mới tốt đẹp! ■

^{1,2} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.187, 272.

- ³ Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập hồi ký* (in lần thứ hai), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.130.
- ^{4, 5, 14, 15, 20} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.378, 63, 453, 63, 378.
- ⁶ Tất cả những câu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Minh trong bài viết này, không có chú thích, đều lấy từ sách “Những mẩu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, 2 tập, do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Trung tâm Thông tin công tác tuyên giáo, Ban Tuyên giáo Trung ương xuất bản năm 2015.
- ^{7, 26} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.83-84, 119.
- ⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.120.
- ^{9, 25} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.3, 177.
- ^{10, 11} ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.112-113, 238.
- ^{12, 22} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.244, 521.
- ¹³ Dẫn theo: GS Trần Văn Giàu: *Hồ Chí Minh - Vĩ đại một con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.296.
- ^{16, 18} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.232, 103.
- ¹⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, t.330.
- ^{19, 21, 29} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.284, 632, 280.
- ^{23, 24} Xem: ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.17, tr.426-427, 623 .
- ²⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.613.
- ³⁰ Dẫn theo: Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* (xuất bản lần thứ ba), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.295.
- ^{31, 34} Dẫn theo: GS Trần Văn Giàu: *Hồ Chí Minh vĩ đại một con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.354, 332.
- ³² Xem: Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - tinh hoa, khí phách của dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.28-29.
- ³³ E.Côbêlêp: *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2010, tr.460-461.

NHỮNG BÀI HỌC TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ CẦN VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN, THỰC HIỆN TỐT TRONG CÔNG TÁC CÁN BỘ HIỆN NAY

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

Năm 2020 - năm kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930-3/2/2020), kỷ niệm 130 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2020), năm diễn ra đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng. Một trong những vấn đề mà toàn Đảng, toàn dân ta đang rất quyết tâm là xây dựng được đội ngũ cán bộ, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung đề cập đến những bài học trong tư tưởng Hồ Chí Minh về cán

bộ và công tác cán bộ cần vận dụng, thực hiện tốt trong công tác cán bộ hiện nay.

1. Nhận thức đầy đủ, sâu sắc, toàn diện vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và phát triển quan điểm chủ nghĩa Mác-Lenin về cán bộ và công tác cán bộ, kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, căn cứ vào thực tiễn, Hồ Chí Minh đã đề ra nhiều luận điểm nổi tiếng về cán bộ và công tác cán bộ. Trong đó, có luận điểm rất ngắn gọn, dễ hiểu và rất

chính xác: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”¹.

Trong thực tế, nhận thức và vai trò, vị trí của cán bộ, công tác cán bộ còn hạn chế, bất cập. Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đã thẳng thắn chỉ rõ: “Nhận thức và ý thức trách nhiệm của một số cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, về cán bộ và công tác cán bộ chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc, toàn diện”². Nghị quyết cũng xác định “Cán bộ là nhân dân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững”³.

2. Vận dụng và thực hiện tốt hơn các khâu của công tác cán bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Theo Hồ Chí Minh, công tác cán bộ có ý nghĩa vô cùng quan trọng; muốn có cán bộ tốt, phải chú trọng công tác cán bộ. Công tác cán bộ gồm nhiều khâu: tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, đánh giá, sử dụng và chính sách cán bộ.

Một là, coi trọng khâu tuyển chọn cán bộ.

Đây là khâu đầu tiên và rất quan trọng. Theo Hồ Chí Minh “Khâu chọn giống, nếu giống tốt ắt cây sẽ tốt”. Hồ Chí Minh đã đưa ra các tiêu chí để lựa chọn cán bộ:

a) Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh.

b) Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết việc dân chúng.

c) Những người có thể phụ trách giải quyết các vấn đề trong những hoàn cảnh khó khăn. Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải người lãnh đạo. Người lãnh đạo đúng đắn cần phải: Khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi

không kiêu ngạo. Khi thi hành các nghị quyết kiên quyết, gan góc, không sợ khó khăn.

d) Những người luôn giữ đúng kỷ luật”⁴.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về lựa chọn cán bộ, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều văn bản đề cập đến tiêu chí cán bộ. Mới đây, ngày 30/5/2019, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Chỉ thị số 35-CT/TW về đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu ra các tiêu chí để lựa chọn cấp ủy viên các cấp, trong đó chỉ rõ việc lựa chọn cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 89-QĐ/TW ngày 4/8/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về “Khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”; Quy định số 90-QĐ/TW ngày 4/8/2017 về “Tiêu chí chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương quản lý”.

Chỉ thị số 35-CT/TW nêu rõ: Việc lựa chọn, giới thiệu nhận sự cấp ủy khóa mới phải quán triệt sâu

sắc Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và tiêu chuẩn cán bộ nêu tại Quy định số 89-QĐ/TW, Quy định số 90-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa XII. Cấp ủy các cấp căn cứ vào tiêu chuẩn chung nêu tại Chỉ thị số 35-CT/TW để cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của cấp mình. Kiên quyết sàng lọc, không để lọt vào cấp ủy khóa mới những người bản lĩnh chính trị không vững vàng; phẩm chất, năng lực, uy tín giảm sút; thiếu gương mẫu, mất đoàn kết, cục bộ, bè phái, cơ hội, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh; có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; chạy chức, chạy quyền, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế, quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước, tiêu chuẩn chính trị và những điều đảng viên không được làm; quan liêu, cửa quyền, thiếu gắn bó mật thiết với nhân dân; bản thân hoặc vợ (chồng), con vi phạm các quy định của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước làm ảnh hưởng tới uy tín cơ quan, đơn vị, bản thân cán bộ, kết quả thực hiện nhiệm vụ không cao. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã chỉ rõ 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Ngày 23/9/2019 Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Quy định số 205-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền. Trong đó đã chỉ rõ sáu hành vi chạy chức, chạy quyền, tám hành vi bao che, tiếp tay cho chạy chức, chạy quyền.

Đảng ta cũng ban hành nhiều quy định về nêu gương của cán bộ: Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường trách nhiệm nêu gương; Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trước

hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; Quy trình và hồ sơ nhân sự cấp ủy cấp tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025; v.v..

Như vậy, hệ thống các văn bản liên quan đến lựa chọn cán bộ đã tương đối đầy đủ, toàn diện và rõ ràng. Vấn đề đặt ra là căn cứ vào các quy định, quy chế, quy trình của Trung ương, các cấp ủy cần cụ thể cho phù hợp với cấp mình. Và điều kiện quan trọng nhất là thực hiện thật tốt những quy định, quy chế, quy trình ấy theo phương châm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất nhiều lần căn dặn “nói đi đôi với làm”.

Ban Chấp hành Trung ương khóa XII ban hành Quy định 214-QĐ/TW ngày 2/1/2020 về “Khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”. Căn cứ vào những quy định trên, các cấp ủy tổ chức đảng cụ thể hóa tiêu chí lựa chọn cán bộ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong bối cảnh mới.

Hai là, coi trọng và đổi mới việc đào tạo, huấn luyện cán bộ.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”⁵; “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một công việc rất quan trọng và rất cần kíp”⁶. Huấn luyện cán bộ về chuyên môn, nghiệp vụ theo phương châm làm việc gì học việc nấy; huấn luyện chính trị; huấn luyện văn hóa, khoa học, kỹ thuật; huấn luyện toàn diện;... Người chỉ rõ, huấn luyện phải thiết thực và chu đáo, nghĩa là phải nắm được nhu cầu để huấn luyện. Phải xem xét, nghiên cứu mục đích huấn luyện ai, ai huấn luyện, huấn luyện như thế nào, phải kiểm tra ra sao và bài học cần phải áp dụng là gì v.v.. Người cũng chỉ ra những khuyết điểm trong huấn luyện cán bộ, như lý luận và thực tế không ăn khớp, tư duy chính trị thì mênh mông mà không thiết thực, huấn luyện nhiều mà hiệu quả ít, v.v.. Bản thân Người là một mẫu mực trong huấn luyện, đào tạo cán bộ. Đảng ta cũng luôn coi trọng đào tạo, huấn luyện cán bộ. Bên cạnh đó, “Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chậm đổi mới, chưa kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, chưa gắn với quy hoạch và theo chức năng”⁷.

Từ đó, Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII chỉ rõ: Xây dựng chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và học tập ngoại ngữ. Gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh và đẩy mạnh thực hiện luân chuyển cán bộ, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị để rèn luyện qua thực tiễn ở các lĩnh vực, địa bàn khác nhau.

Điều đó đòi hỏi cần phải tiếp tục coi trọng và đổi mới mạnh mẽ việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Ba là, đánh giá cán bộ phải khách quan, có tiêu chí rõ ràng.

Đánh giá cán bộ là việc rất hệ trọng. Đánh giá đúng sẽ là cơ sở để bố trí, sử dụng đúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, khi xem xét, đánh giá cán bộ phải thực sự khách quan, phải hiểu cán bộ. Đánh giá chính xác cán bộ là việc khó, phức tạp. Người căn dặn: “Trong thế giới, cái gì cũng biến hóa. Tư tưởng của người cũng biến hóa. Vì vậy cách xem xét cán bộ, quyết không nên chấp nhất, vì nó cũng phải biến hóa. Thí dụ: có người khi trước theo cách mạng mà nay lại phản cách mạng. Có người khi trước không cách mạng mà nay lại tham

gia cách mạng. Thậm chí có người nay đang theo cách mạng, nhưng sau này có thể phản cách mạng.

Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau⁸. Người chỉ rõ: “xem xét cán bộ, không chỉ xem ngoài mặt mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn bộ cả lịch sử, tất cả công việc của họ⁹”. Theo Hồ Chí Minh, để đánh giá đúng cán bộ, phải căn cứ theo các tiêu chí và kết quả thực tiễn công tác của cán bộ.

Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản về đánh giá cán bộ. Bên cạnh kết quả đạt được, việc đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu từ nhiều năm nay. Nghị quyết Trung ương bảy khóa XII thẳng thắn thừa nhận: Sau hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương ba khóa VIII về chiến lược cán bộ, “Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể, không ít trường hợp còn cảm

tính, nể nang, dễ dãi hoặc định kiến”¹⁰. Từ đó, Nghị quyết xác định: “Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, theo tiêu chí cụ thể, bằng sản phẩm, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị”¹¹. Ngoài những quy định đã ban hành, như Quy định số 89-QĐ/TW ngày 4/8/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về “Khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”, Quy định số 90-QĐ/TW ngày 4/8/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về “Tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Quy định số 214-QĐ/TW về “Khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”... Trong các quy định trên đã xác định tiêu chí đánh giá cán bộ. Trên cơ sở bộ khung tiêu chí, cần được cụ thể

hóa đối với từng loại cán bộ ở các cấp. Và điều quan trọng hơn là thực hiện nghiêm các quy định ấy, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong đánh giá cán bộ.

Bốn là, bố trí, sử dụng cán bộ cho đúng, cho khéo.

Bố trí, sử dụng cán bộ là một khâu có ý nghĩa quyết định trong công tác cán bộ. Hồ Chí Minh có nhiều luận điểm về bố trí, sử dụng cán bộ, trong đó có những luận điểm rất ngắn gọn, rõ ràng, chính xác, dễ nhớ, dễ thực hiện. Người chỉ rõ phải bố trí “người nào việc nấy”, “phải bố trí cán bộ một cách cho đúng”¹², “phải khéo dùng cán bộ”¹³. Người cũng sớm chỉ ra những chứng bệnh trong việc bố trí, sử dụng cán bộ: “Lúc dùng cán bộ, nhiều người phạm vào những chứng bệnh sau đây:

1. Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài.

2. Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực.

3. Ham dùng những người tính tình hợp với mình, mà tránh những người tính tình không hợp với mình.

Vì những bệnh đó, kết quả những người kia đã làm bậy, mình cũng cứ bao dung, che chở, bảo hộ, khiến cho chúng ngày càng hư hỏng. Đối với những người chính trực thì bới lông tìm vết để trả thù. Như thế, cố nhiên là hỏng cả công việc của Đảng, hỏng cả đánh giá của người lãnh đạo”¹⁴.

Hồ Chí Minh chỉ rõ thế nào là dùng cán bộ đúng:

“- Mình phải có độ lượng vĩ đại thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư, không có thành kiến, khiến cho cán bộ khỏi bị bỏ rơi.

- Phải có tinh thần rộng rãi, mới có thể gần gũi những người mình không ưa.

- Phải có tính chịu khó dạy bảo, mới có thể nâng đỡ những đồng chí còn kém, giúp cho họ tiến bộ.

- Phải sáng suốt, mới khỏi bị bọn vu vơ bao vây, mà cách xa cán bộ tốt.

- Phải có thái độ vui vẻ, thâm mật, các đồng chí mới vui lòng gần gũi mình”¹⁵.

Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về bố trí, sử dụng cán bộ. Trong hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về chiến lược cán bộ, bên cạnh những thành

tự đạt được “việc sắp xếp, bố trí, phân công, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vẫn còn tình trạng đúng quy trình nhưng chưa đúng người, đúng việc. Tình trạng bổ nhiệm cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, trong đó có cả người nhà, người thân, họ hàng, “cách hiểu” xảy ra ở một số nơi gây bức xúc trong dư luận xã hội”¹⁶. Từ đó, Nghị quyết xác định nhiệm vụ, giải pháp đổi mới công tác ứng cử, bầu cử, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ: Hoàn thiện các quy định, quy chế để cấp ủy các cấp có cơ cấu hợp lý, tinh giảm số lượng và nâng cao chất lượng, không nhất thiết địa phương, cơ quan, đơn vị nào cũng phải có cấp ủy viên. Tiếp tục thực hiện chủ trương bầu trực tiếp bí thư tại đại hội đảng bộ các cấp ở những nơi có điều kiện; thực hiện nghiêm việc lựa chọn, bầu cử có số dư; ứng viên trước khi bổ nhiệm phải trình bày chương trình hành động và cam kết trách nhiệm thực hiện. Nói chung, cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp trên phải kinh qua vị trí chủ chốt cấp dưới; trường hợp đặc biệt do cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định. Nhân sự không trùng cử cấp ủy cấp

dưới thì không giới thiệu để bầu cấp ủy cấp trên. Cấp ủy các cấp và người đứng đầu phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, tạo điều kiện, cơ hội phát triển cho cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Xây dựng chỉ tiêu cơ cấu phù hợp, nếu chưa bảo đảm chỉ tiêu cơ cấu thì phải để trống, bổ sung sau; gắn việc thực hiện chỉ tiêu với trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu. Quy định trách nhiệm của lãnh đạo và cấp ủy viên các cấp trong việc tiến cử người có đức, có tài; người đứng đầu có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng, tiến cử người thay thế mình. Có cơ chế phát hiện, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ có bản lĩnh, năng lực nổi trội và triển vọng phát triển vào vị trí lãnh đạo, quản lý, kết cả vượt cấp, nhất là cán bộ trẻ v.v..

Để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp mà trên đòi hỏi, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn. Phải tiếp tục cụ thể hóa đối với từng cấp, từng loại cán bộ theo từng giai đoạn cho phù hợp.

Năm là, làm tốt chính sách cán bộ.

Hồ Chí Minh cho rằng cần có chính sách cán bộ đúng, phù hợp.

Theo Người để làm tốt chính sách cán bộ, phải yêu thương cán bộ: Người căn dặn: “Thương yêu là giúp họ học tập thêm, tiến bộ thêm. Là giúp họ giải quyết những vấn đề khó khăn sinh hoạt, ngày thường thì điều kiện dễ chịu, khi ốm đau được chăm nom, gia đình họ khỏi thiếu thốn, v.v..

Thương yêu là luôn chú ý để công tác của họ, kiểm soát họ. Hễ thấy khuyết điểm thì giúp đỡ họ sửa chữa ngay, để vun trồng cái thói có gan phụ trách, cả gan làm việc của họ”¹⁷. Đối với những cán bộ phạm sai lầm, khuyết điểm, Hồ Chí Minh cũng căn dặn đều có tính nhân văn: “... phải giải thích rõ ràng, làm cho họ tự trông thấy, tự nhận rõ sai lầm đó, làm cho họ vui lòng sửa đổi, chứ không phải bị cưỡng bức mà sửa đổi”. Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực trong thực hiện chính sách cán bộ nói riêng và nhân dân ta nói chung. Người lo từ chuyện tương cà, mắm muối, bữa ăn, giấc ngủ cho mọi người dân.

Hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII, bên cạnh thành tựu đạt được thì “chính sách cán bộ giữa các cấp, các ngành có

mặt cần thiết thống nhất, chưa đồng bộ; chính sách tiền lương, nhà ở và việc xem xét thi đua, khen thưởng chưa thực sự tạo động lực để cán bộ toàn tâm, toàn ý với công việc”¹⁸. Từ đó, Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII đề ra nhiệm vụ, giải pháp: “Thực hiện lộ trình cải cách tiền lương phù hợp với từng nhóm đối tượng theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ, năng suất lao động, hiệu quả công tác và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, nguồn lực của đất nước. Xây dựng chính sách nhà ở theo hướng Nhà nước thống nhất ban hành cơ chế, chính sách; địa phương quy hoạch đất ở, nhà ở; cán bộ, công chức, viên chức mua và thuê mua. Thực hiện nghiêm, đúng đắn, chính xác chế độ thi đua, khen thưởng”¹⁹.

Để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trên, yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, nhất là người đứng đầu phải xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để thực hiện phù hợp với từng loại cán bộ, ở từng cấp, từng ngành.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ rất bao quát, toàn diện. Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về cán bộ và công tác cán

bộ. Tư tưởng và tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ có tính lý luận và thực tiễn vô cùng quý giá. Đảng ta đã vận dụng và thực hiện tư tưởng của Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ. Sau hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về chiến lược cán bộ, đội ngũ cán bộ các cấp có bước trưởng thành, phát triển về nhiều mặt, chất lượng ngày càng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. “Sự trưởng thành, lớn mạnh và phát triển của đội ngũ cán bộ 20 năm qua là nhân tố then chốt, quyết định làm nên những thành tựu, có ý nghĩa lịch

sử của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Song, những khuyết điểm, yếu kém của một bộ phận không nhỏ cán bộ và những hạn chế, bất cập trong công tác cán bộ cũng là một nguyên nhân chủ yếu làm cho cho đất nước phát triển không tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và mong muốn của chúng ta, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước”²⁰.

Để xây dựng được đội ngũ cán bộ, nhất là cấp chiến lược có phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ cần tiếp tục vận dụng, phát triển và thực hiện tốt tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ trong công tác cán bộ hiện nay ■

1, 4, 5, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 17 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.309, 315, 309, 317-318, 318, 314, 314, 318-319, 319, 322-323.

2, 3, 7, 10, 11, 16, 18, 19, 20 ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2018, tr.51, 54, 48, 48, 62-63, 49 49, 66, 50.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.12, tr.622.



ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ BẢN LĨNH VIỆT NAM

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

“Chống dịch Covid-19 như chống giặc”. Đó là khẩu hiệu hành động, là ý chí, sức mạnh và bản lĩnh của Việt Nam. Thật tuyệt vời, đúng vào dịch chúng ta từng mừng kỉ niệm 45 năm Giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước thì Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc công bố nước ta đã đẩy lùi dịch bệnh.

Dịch bệnh Covid-19 là một đại dịch nguy hại có tác động to lớn chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Thế giới đã từng chứng kiến những dịch cúm, dịch tả, thương hàn, lao phổi... giết hại hàng triệu người, tàn phá nhiều vùng miền một nước và nhiều nước trong một khu vực.

Đại dịch Covid-19 có sức tàn phá và hủy diệt không hề thua kém các dịch bệnh trước đây với hàng triệu người mắc bệnh, hàng trăm ngàn người tử vong, hàng tỉ người phải

cách ly trong hoang mang, lo ngại. Điều rất khác biệt của đại dịch lần này chính là sự lan tỏa vô cùng nhanh chóng, gây tổn thất nặng nề, nhiều mặt trên toàn thế giới và đặc biệt, ở những nước giàu mạnh nhất, tiềm năng và trình độ khám chữa bệnh cao nhất lại có số người tử vong nhiều nhất. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã đưa Covid-19 theo các đường hàng không, đường bộ, đường thủy đến tất cả các châu lục và tàn phá khủng khiếp các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật



Các bác sĩ Việt Nam tận tình chăm sóc y tế cho bệnh nhân Covid-19 _ Ảnh: TTXVN

Bản, Đức, Anh, Pháp, Italia, Ấn Độ. Covid-19 đã xâm nhập tới hơn 200 nước trên toàn thế giới, tấn công mạnh mẽ vào các trung tâm kinh tế - chính trị lớn nhất toàn cầu.

Đại dịch này tác động nhiều mặt đến toàn thế giới. Toàn bộ hoạt động đời sống xã hội ở tất cả các nước đều bị ngừng trệ, đảo lộn và có nơi, có lúc bị hỗn loạn. Đời sống văn hóa, thể thao, du lịch, tâm linh đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tâm trạng lo âu, bất an lan tràn toàn xã hội và đến với mỗi người.

Kinh tế thế giới đứng trước những thách thức nghiêm trọng và đang

trên bờ cuộc khủng hoảng mới rất khó đoán định. Dịch Covid-19 tạo ra cú sốc cả về nguồn cung (gián đoạn sản xuất, nghỉ việc, phá sản làm ngắt và giảm sút các chuỗi cung ứng); làm tê liệt nhiều ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh; làm suy giảm nhanh chóng thương mại và đầu tư quốc tế; làm tăng sự bất ổn và rủi ro về tài chính; gây khủng hoảng niềm tin và kì vọng của mọi hoạt động kinh tế. Đại dịch này trực tiếp gây ra khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng đời sống xã hội, gia tăng bất ổn toàn cầu.

Trong tình hình toàn thế giới như vậy, việc phòng, chống đại dịch

Covid-19 ở Việt Nam đã đạt được những kết quả tốt đẹp. Truyền thông quốc tế đánh giá, là một nước còn nghèo, lại gần một trăm triệu dân, hệ thống y tế còn hạn chế nhưng Việt Nam đã nổi lên như hình mẫu thành công chống dịch của toàn thế giới. Làm nên điều kì diệu này thể hiện đậm nét bản lĩnh Việt Nam, là ý chí kiên cường, hành động quyết liệt quả cảm và sự đồng lòng, chung sức của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cả nước. Với quyết tâm chính trị cao và từ kinh nghiệm thành công trong việc đối phó với dịch SARS năm 2002 và H1N1 năm 2009, Chính phủ Việt Nam đã có những chủ trương đúng đắn và giải pháp hữu hiệu để đối phó với Covid-19 ngay từ tháng 1/2020 – thời điểm Trung Quốc mới báo cáo một số ca bệnh ở thành phố Vũ Hán, tâm dịch đầu tiên ở nước này. Những giải pháp chính xác, quyết liệt và hiệu quả đã được Chính phủ đưa ra và thực thi lập tức, đồng bộ như kiểm dịch trên diện rộng, truy tìm đến cùng những nguồn tiếp xúc với mầm bệnh. “Đi từng ngõ, gõ từng nhà”, là câu cửa miệng và cũng là hành động sâu sát, tỉ mỉ của chúng ta trong thời

gian qua. Hạn chế và cấm tất cả các chuyến bay quốc tế và nội địa. Cách ly toàn xã hội kể từ ngày 1/4. Hàng trăm ngàn người đã được đưa vào các khu vực cách ly tập trung, cách ly tại các khu vực dân cư, cách ly tại nhà.

Ý Đảng, quyết tâm của Chính phủ và lòng dân đã hòa quyện thành một sức mạnh tổng hợp để Việt Nam chống dịch bệnh. Cả hệ thống chính trị vào cuộc, Bộ Chính trị có kết luận và chỉ thị về công tác chống dịch; Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng ra lời kêu gọi, khích lệ toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 thường xuyên bàn định đưa ra các quyết định và giải pháp sáng suốt, đầy trách nhiệm, vừa đảm bảo cho việc phòng chống dịch bệnh, vừa quan tâm đến đời sống của tất cả nhân dân trong điều kiện khó khăn. Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhanh chóng thông qua các quyết sách để hỗ trợ dân nghèo, bảo đảm cho sản xuất kinh doanh trong điều kiện sống chung với dịch bệnh.

Các chiến sĩ áo trắng ngành y không quản hy sinh, gian khổ, đi

đầu trong phòng chống dịch bệnh. Tất cả các bệnh nhân nhập các tuyến viện đã được chăm lo chạy chữa với sự quan tâm thấu đáo nhất. Chắc không có nơi nào như ở nước ta, tất cả mọi thông tin về dịch bệnh đều được công khai, minh bạch; từng nguồn nhiễm bệnh đều được thông báo; các bệnh nhân nặng được hàng chục chuyên gia y tế hàng đầu của cả nước thường xuyên hội chẩn để xử lý tình trạng sức khỏe cơ thể. Cho đến hôm nay, chưa có ca tử vong từ dịch bệnh tại Việt Nam. Để phòng, chống và đẩy lùi được dịch bệnh phải kể đến sự quả cảm, tận tâm vì nước, vì dân của lực lượng quân đội, công an. Cán bộ, chiến sĩ từ nơi biên cương Tổ quốc đến các khu cách ly, các địa bàn dân cư đều không ngại khó khăn, gian khổ thực hiện trọn vẹn các nhiệm vụ được giao. Hình ảnh chu đáo hết lòng của các anh bộ đội, của các chiến sĩ công an nơi tuyến đầu chống dịch làm nức lòng nhân dân ta và cả bè bạn quốc tế. Trong hoạn nạn càng thấy được phẩm chất cao đẹp của nhân dân ta. Từ những nhà hảo tâm, những doanh nghiệp đến

những người còn nhiều khó khăn nhưng thương người như thể thương thân, sẵn sàng chia sẻ và tương thân, tương ái. Khắp các miền Nam, Bắc, ngược xuôi, xuất hiện những trạm tự động phân phát gạo cho người nghèo, nhiều siêu thị phục vụ các mặt hàng thiết yếu không lấy tiền, hàng trăm điểm cung cấp những suất ăn miễn phí, hàng triệu dụng cụ y tế và khẩu trang được sản xuất và cấp phát cho dân.

Đến nay dịch bệnh Covid-19 đã bị đẩy lùi một bước quan trọng. Đó là thắng lợi to lớn nhưng phía trước vẫn nhiều việc phải làm. Vấn đề đặt ra hiện nay là vẫn tiếp tục thực thi nhiều giải pháp thích nghi với đại dịch và không lơ là công tác phòng chống dịch, đồng thời thực hiện các chính sách hữu hiệu về an sinh xã hội, chăm lo cho đời sống nhân dân, đặc biệt là người nghèo. Với bản lĩnh Việt Nam từng hiên ngang vượt qua mọi thách thức và chiến thắng mọi kẻ thù, nhất định chúng ta sẽ nhanh chóng phục hồi sản xuất, bình thường hóa các hoạt động kinh tế - xã hội và bảo đảm cho sự phát triển mọi mặt của đất nước ■

ĐẢNG CẦM QUYỀN VÀ ĐẢNG LÃNH ĐẠO; QUAN HỆ GIỮA PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO VÀ PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

● GS, TS. NGUYỄN VĂN HUYỀN

*Nguyên Viện trưởng Viện Chính trị học,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

1. Quan niệm đảng cầm quyền và đảng lãnh đạo

a. Quan niệm đảng cầm quyền

Đảng là khái niệm rất rộng - tổ chức của một nhóm người, một phe phái có cùng quan điểm, cùng chí hướng, thực hiện một mục đích. Khái niệm đảng trong bài viết này là đảng chính trị - tổ chức đại diện cho một cộng đồng lớn, một giai cấp, có tôn chỉ, mục đích thực hiện ý chí và lợi ích của cộng đồng, của giai cấp.

Ở mỗi quốc gia, tùy thuộc vào mô hình chế độ chính trị khác nhau mà ở đó có một hay nhiều đảng cạnh tranh, đấu tranh với nhau để nắm quyền lãnh đạo xã hội, thực hiện mục đích của mỗi đảng. Để thực hiện được mục đích của mình,,

nhiệm vụ đầu tiên của mỗi đảng chính trị là phải nắm được chính quyền (nắm giữ quyền lực nhà nước) để lãnh đạo nhà nước, triển khai chủ trương, đường lối chính trị của đảng.

Theo quan niệm phổ biến hiện nay, đảng cầm quyền là đảng chiến thắng trong cuộc bầu cử dân chủ và cạnh tranh giữa nhiều đảng. Đảng thắng cử đứng ra thành lập chính quyền, đưa ra chủ trương, đường lối, chính sách dưới danh nghĩa quyền lực nhà nước, đại diện cho công dân cả nước. Theo quan niệm này, trên thế giới có nhiều cách thức và mô hình cầm quyền, song chủ yếu xoay quanh 2 mô hình chính: mô hình Nghị viện và mô hình Tổng thống.



Quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa cũng chính là quá trình phát triển của Đảng _ Ảnh: TL

Sự cầm quyền của mô hình Nghị viện: Đảng cầm quyền là đảng chính trị hoặc liên minh chính trị chiếm đa số trong nghị viện. Trong cơ quan lập pháp (quốc hội), đảng này nắm quyền hành pháp - Chính phủ (Thủ tướng). *Sự cầm quyền của mô hình Tổng thống:* Đảng cầm quyền là đảng của tổng thống - người đã được nhân dân lựa chọn (qua cuộc bầu cử tổng thống). Tổng thống đứng đầu cơ quan hành pháp. Quyền lực tổng thống do vậy, ưu trội hơn quyền lực của quốc hội (lập pháp).

Quá trình cầm quyền của đảng cộng sản khác với quá trình cầm quyền phổ biến nêu trên - do bản chất và sứ mệnh chính trị đặc thù của đảng. Tôn chỉ, mục đích, lý tưởng của đảng cộng sản là đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, tiến tới chủ nghĩa cộng sản - chế độ tiến bộ nhất của loài người. Về lý thuyết, đảng cộng sản có thể giành chính quyền trong nhà nước tư sản, song trong thực tế, điều đó là không thể, bởi thể chế chính trị tư sản chỉ bảo vệ quyền lợi của giai cấp tư sản, các đảng cộng

sản không thể bình đẳng với các chính đảng tư sản. V.I.Lênin đã chỉ rõ: “*Chỉ kẻ ngu ngốc mới nghĩ rằng, giai cấp vô sản phải giành lấy đa số trong các cuộc bầu cử dưới sự áp bức của giai cấp tư sản...rồi mới giành chính quyền*”.

Do tính chất và đặc điểm như vậy, các đảng cộng sản (Liên Xô, Trung Quốc, các nước Đông Âu, Cu Ba, Việt Nam...) đều không thể cầm quyền bằng các cuộc bầu cử, mà phải tiến hành các cuộc cách mạng lật đổ chế độ xã hội cũ, lập ra chính quyền mới, xây dựng thể chế chính trị với một nhà nước mới phù hợp với chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa. Năm được chính quyền, đảng cầm quyền bằng cách, đưa ra cương lĩnh và đường lối chính trị, chiến lược hành động bảo vệ chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị với trụ cột là nhà nước, huy động lực lượng toàn xã hội thực hiện mục đích của đảng và cũng là của nhân dân.

b. Về mối quan hệ giữa đảng cầm quyền và đảng lãnh đạo

Với bản chất, nguyên tắc và thực tế của quá trình giành chính quyền của các đảng cộng sản nêu trên, *sự cầm*

quyền và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là 2 khái niệm vừa khác nhau, vừa thống nhất với nhau.

Sự khác nhau giữa đảng lãnh đạo và đảng cầm quyền: Khái niệm Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, như trình bày ở trên, rộng hơn khái niệm Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền. Từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã mang bản chất lãnh đạo và thực tế đã thực hiện chức năng lãnh đạo của mình. Để đạt được mục đích giải phóng dân tộc, thực hiện độc lập tự do, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức, xây dựng lực lượng, lãnh đạo giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân, tuyên truyền tư tưởng cộng sản, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tập hợp quần chúng, làm cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong điều kiện Đảng chưa có chính quyền. Mới 15 tuổi, Đảng đã lãnh đạo nhân dân làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám thần thánh, giành chính quyền về tay nhân dân.

Rõ ràng, lãnh đạo là thuộc tính, là sứ mệnh tự thân của Đảng. Nói đến đảng là nói đến chức năng lãnh

đạo. Đảng là lực lượng tiên phong, là hạt nhân của phong trào, của hy sinh phấn đấu để đạt tới mục đích của đảng. Là đảng mang lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, tư tưởng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đảng ra đời là từ ý nguyện, lợi ích của nhân dân tiến bộ, đảng phải mang và thể hiện ý chí của nhân dân, lãnh đạo nhân dân thực hiện cho được mục đích của nhân dân.

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam tỏ rõ trong tất cả các giai đoạn đấu tranh, xây dựng Nhà nước và thực hiện lợi ích của nhân dân Việt Nam từ khi giành được chính quyền, xây dựng chính quyền mới và sử dụng quyền đó để xây dựng chế độ chính trị - xã hội mới xã hội chủ nghĩa. Quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa cũng chính là quá trình phát triển của Đảng, nó cũng thể hiện sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng.

Sự thống nhất giữa đảng lãnh đạo và đảng cầm quyền: Giành được chính quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền

(Hồ Chí Minh). Đó là bối cảnh thuận lợi mới để Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình. Đảng không phải hoạt động bí mật với những điều kiện khó khăn trong việc thực hiện sứ mệnh của Đảng trước dân tộc, nhân dân như khi chưa cầm quyền. Đảng cầm quyền nghĩa là Đảng có toàn bộ chính quyền, sử dụng quyền lực nhà nước để lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội thực hiện mục đích của Đảng và của toàn dân; Đảng nắm toàn bộ chính quyền bằng sự tổ chức và sử dụng chính quyền nhà nước để lãnh đạo toàn xã hội xây dựng chế độ xã hội mới xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, trong điều kiện đảng cầm quyền thì đảng cầm quyền và đảng lãnh đạo là thống nhất với nhau. Đảng lãnh đạo không chỉ bằng quyền lực chính trị mà bằng cả quyền lực nhà nước. Nhà nước lúc này (trong nghĩa này) trở thành công cụ chính trị của Đảng. Đảng lãnh đạo bằng sức mạnh của toàn bộ nhà nước (pháp quyền xã hội chủ nghĩa). Đảng vừa lãnh đạo bằng sức mạnh và lực lượng của Đảng, vừa lãnh đạo bằng sức mạnh và lực lượng của Nhà

nước. Nội hàm sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh, điều kiện này là rộng hơn, lớn hơn, mạnh mẽ hơn.

Trong hệ thống chính trị nước ta, Đảng là chủ thể lãnh đạo, Nhà nước là trụ cột và thực hiện chức năng quản lý xã hội. Đảng cầm quyền và lãnh đạo, có nghĩa là Đảng không chỉ sử dụng quyền lực chính trị của đảng để lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Điều quan trọng hơn là, cùng với sức mạnh quyền lực chính trị của mình, Đảng sử dụng cả sức mạnh quyền lực nhà nước (chính quyền) để lãnh đạo toàn hệ thống chính trị và toàn xã hội. Ở đây không thể đồng nhất quyền lực chính trị của Đảng với quyền lực chính quyền (của Nhà nước). Song đảng cầm quyền và lãnh đạo, hay đảng lãnh đạo trong điều kiện cầm quyền, trên cơ sở tôn chỉ mục đích của Đảng, Đảng tổ chức, xây dựng Nhà nước, đề ra nguyên tắc và cơ chế vận hành để hoạt động hiệu lực và hiệu quả, thực hiện đúng mục đích của Đảng.

Ở các mô hình cầm quyền phương Tây, khi một đảng đứng lên

cầm quyền, đảng đó hóa thân vào nhà nước. Trong mô hình của Việt Nam, đảng không biến thành (hóa thân vào) Nhà nước. Mà đảng sử dụng quyền lực nhà nước bằng cách xây dựng Nhà nước (pháp quyền xã hội chủ nghĩa) theo đúng bản chất, ý chí, mục đích của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều này thể hiện tính đặc thù trong phương thức cầm quyền và phương thức lãnh đạo của Đảng.

2. Quan hệ giữa phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Đặc điểm có tính nguyên tắc của phương thức cầm quyền và phương thức lãnh đạo của Đảng

Nếu như đặc điểm về bản chất và mục đích của Đảng Cộng sản Việt Nam quy định đặc điểm của quá trình giành quyền lực chính trị, thì đó cũng là cái tạo nên đặc điểm có tính nguyên tắc về phương thức cầm quyền và phương thức lãnh đạo của Đảng.

Phương thức cầm quyền và lãnh đạo có tính nguyên tắc của Đảng Cộng sản Việt Nam là không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng

đối lập - Đảng Cộng sản Việt Nam là người duy nhất cầm quyền. Phấn đấu cho chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu bất di bất dịch của Đảng. Điều đó, về nguyên tắc, chỉ do Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền (Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa), Đảng không chia sẻ quyền lực cho bất cứ đảng nào khác. Thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa, thành quả xây dựng và phát triển chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành quả của sự hy sinh, phấn đấu của Đảng Cộng sản Việt Nam và của toàn dân tộc. Đòi hỏi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, để bảo đảm dân chủ trong cầm quyền và lãnh đạo của đảng như một số người nêu lên chỉ là lý luận lừa bịp, muốn thủ tiêu vai trò duy nhất cầm quyền và lãnh đạo chính đáng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi đã nắm được quyền thống trị, V.I. Lênin chỉ rõ: Đảng nắm quyền đó với ý thức là chỉ một mình mình nắm.

Khi nói “Đảng ta là Đảng cầm quyền”, Hồ Chí Minh không chỉ nhấn mạnh vị thế duy nhất nắm quyền lực nhà nước, mà còn nhấn

mạnh vị thế lãnh đạo Nhà nước, cả hệ thống chính trị và xã hội của Đảng. Đảng cầm quyền trong ý nghĩa này đã hàm chứa cả Đảng lãnh đạo. Điều đó không có nghĩa, quyền lực của Đảng là “siêu quyền lực”, đứng trên quyền lực nhà nước (như có người hiểu). Đảng và Nhà nước là hai chủ thể quyền lực khác nhau trong một thể chế chính trị - xã hội. Quyền lực của Đảng là quyền lực của giai cấp - một lực lượng trong xã hội; đây là quyền lực chính trị. Quyền lực nhà nước là quyền lực của nhân dân - đây là quyền lực tổ chức, phục vụ, kiến tạo phát triển đất nước. Sự duy nhất cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam phải được nhân dân thừa nhận, lựa chọn và được ghi nhận trong Hiến pháp (tính chính đáng chính trị). Đảng cầm quyền bằng Nhà nước, thông qua hệ thống cơ quan công quyền, không tự biến mình thành Nhà nước. Nếu quyền lực đảng đồng nhất với quyền lực nhà nước thì xã hội sẽ không còn dân chủ, mà trở thành độc tài.

Phương thức cầm quyền và lãnh đạo đó cũng không phải là phương thức “toàn trị” như có người đã gán

cho Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng duy nhất cầm quyền là để giữ vững mục đích chính trị của Đảng, của Nhân dân. Đảng không toàn ý (độc quyền) nắm quyền và “cai trị”, “cưỡng ép” Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm theo ý chí chủ quan của Đảng. Đảng cầm quyền bằng ý chí và nguyện vọng của nhân dân (ghi trong Hiến pháp) và lãnh đạo cả hệ thống chính trị thực hiện mục đích của nhân dân và cũng là của Đảng.

b. Phương thức cầm quyền của Đảng

Là chủ thể duy nhất cầm quyền, Đảng phải chịu trách nhiệm trước toàn dân về vận mệnh của đất nước. Để làm tốt sứ mệnh đó, Đảng dùng quyền lực chính trị của mình, xây dựng hệ thống chính trị: Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; xác định vị trí, vai trò, quyền hạn của mình cũng như của các thành viên trong hệ thống chính trị. Đảng xây dựng Nhà nước đúng bản chất, chức năng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, có bộ máy, nguyên tắc và cơ chế vận hành bảo đảm cho việc thực hiện tốt nhất mục đích của Đảng. Đảng xây dựng

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sao cho chúng thực sự là đại diện hiệu lực và giám sát, phản biện hiệu quả của nhân dân; đồng thời chúng trở thành tổng lực tham chính và xây dựng Đảng, Nhà nước.

Đảng bố trí người của Đảng (một cách hợp pháp) giữ các vị trí chủ chốt của bộ máy nhà nước; đề ra phương hướng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, nắm công tác cán bộ của Nhà nước. Trên cơ sở đó, Đảng xây dựng cương lĩnh chính trị, hoạch định đường lối phát triển đất nước theo đúng mục tiêu của Đảng. Thông qua Nhà nước, Đảng thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật; lãnh đạo Nhà nước thực hiện đường lối phát triển đất nước của Đảng.

Xây dựng thể chế chính trị và gắn liền với đó là thiết chế chính trị bảo đảm tính khoa học và tính hợp lý (phù hợp với các đặc điểm quốc gia, dân tộc) là yêu cầu và điều kiện tiên quyết để Đảng cầm quyền - sử dụng và thực thi quyền lực hiệu lực và hiệu quả. Phương thức cầm quyền

thành công của Đảng còn là xác định đúng các mục tiêu chính trị và lãnh đạo các thành viên của hệ thống chính trị làm tốt các nhiệm vụ của mình trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại, an ninh, quốc phòng,...

b. Phương thức lãnh đạo của Đảng:

- Bằng quyền lực của mình, Đảng chi phối, tác động, chỉ đạo các thành viên trong hệ thống chính trị, quan trọng nhất là Nhà nước và bằng Nhà nước, thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng

- Đảng lãnh đạo thông qua cương lĩnh, chiến lược, chỉ thị, các nghị quyết của Đảng đối với các tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội,...

- Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng để cụ thể hóa thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa chúng vào thực tiễn.

- Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới địa phương, các bộ, ban, ngành trong hệ thống chính trị.

- Đảng đào tạo đảng viên có đủ phẩm chất, tài năng, có năng lực tuyên truyền, vận động quần chúng, giới thiệu người vào các cơ quan quyền lực dân cử (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp) và giữ những vị trí chủ chốt trong bộ máy nhà nước.

- Đảng lãnh đạo thông qua công tác kiểm tra của các tổ chức đảng với nội dung chủ yếu là kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành nghị quyết của Đảng.

- Đảng lãnh đạo bằng tinh tiên phong, gương mẫu, từ tư tưởng, hành động đến đạo đức, lối sống, nhân cách “công bộc của dân”.

- Lãnh đạo theo tinh thần “dân là gốc”, dựa vào dân, đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh nhân dân đúng tinh thần của dân, do dân, vì dân, hiệu quả, thu phục và cuốn hút quần chúng làm theo Đảng.

- Lãnh đạo một cách dân chủ, trí tuệ, khoa học, nghệ thuật, văn minh..., đó là phương thức lãnh đạo nhạy bén, khéo léo, linh hoạt. Phương thức lãnh đạo này càng cần thiết đối với một đảng duy nhất cầm quyền ■